

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN NGỌC CƯỜNG

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 8.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. NGUYỄN CẢNH HỢP

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan luận văn “**Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh**” là công trình nghiên cứu của bản thân tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu trình bày trong luận văn là trung thực, được trích dẫn từ các nguồn công khai, hợp pháp, không sao chép từ bất kỳ công trình nào khác.*

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Ngọc Cường

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
GDP	Gross Domestic Product Tổng sản phẩm quốc nội
HĐND	Hội đồng nhân dân
LLTP	Lý lịch tư pháp
NĐ – CP	Nghị định của Chính phủ
STP	Sở Tư pháp
TTLT - BTP - TANDTC - VKSNDTC - BCA - BQP	Thông tư liên tịch Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng
TTLT-BTP-BCA	Thông tư liên tịch Bộ Tư pháp - Bộ Công an
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Số hiệu biểu đồ	Tên biểu đồ	Trang
2.1	Số phiếu lý lịch tư pháp đã cấp	45

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP	8
1.1. Những vấn đề lý luận của quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.....	8
1.2. Những vấn đề pháp luật của quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.	21
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.....	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	34
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của thành phố Hồ Chí Minh	34
2.2. Tổ chức về quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	36
2.3. Thực trạng quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.....	39
CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP	60
3.1. Quan điểm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp	60
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp	64
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	81

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Luật Lý lịch tư pháp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17/6/2009 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2010. Luật Lý lịch tư pháp ra đời đã góp phần thực hiện yêu cầu đẩy mạnh cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 05/02/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới. Luật Lý lịch tư pháp đã xác lập những nguyên tắc, nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp ngày càng tăng của công dân, bảo đảm phù hợp với tiến trình cải cách tư pháp, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, Luật Lý lịch tư pháp cũng đặt ra những nhiệm vụ mới, phức tạp và khó khăn trong quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp như xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; hình thành cơ chế cung cấp, tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp; chủ động thực hiện cập nhật thông tin lý lịch tư pháp trong trường hợp người bị kết án đủ điều kiện đương nhiên được xóa án tích... Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp cần phải có sự chuẩn bị chu đáo về tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất kỹ thuật, đội ngũ chuyên gia cùng với sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan Tòa án, Viện Kiểm sát,

Công an, Quốc phòng, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan với Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

Với sức hút của một thành phố công nghiệp, thành phố Hồ Chí Minh là nơi tập trung nhiều cơ sở kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ của cả nước. Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị lớn, tập trung đông dân cư với số dân gần 9 triệu người đã làm phát sinh nhiều vấn đề liên quan đến các tranh chấp về dân sự, kinh tế, lao động, hành chính, đặc biệt là tội phạm hình sự. Hàng năm, lượng án hình sự phải giải quyết của thành phố lớn nhất cả nước không chỉ về số lượng mà xét về quy mô, tính chất và mức độ của từng loại án cũng phức tạp hơn. Cùng với số lượng bản án nhiều thì số lượng quyết định thi hành bản án các loại do các cơ quan ban hành cao gấp nhiều lần. Thực tế trên dẫn đến hệ quả tất yếu là nguồn thông tin lý lịch tư pháp từ các nơi gửi về Sở Tư pháp thành phố để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hàng năm rất lớn. Ngoài ra, các giao dịch về kinh tế thương mại, dân sự diễn ra phong phú, nhu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của cá nhân là rất lớn và thực tế hiện nay, tại thành phố Hồ Chí Minh, số Phiếu lý lịch tư pháp được cấp chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số Phiếu lý lịch tư pháp của cả nước. Để đảm bảo việc xây dựng cơ sở dữ liệu và việc cấp phiếu Lý lịch tư pháp nâng cao về số lượng và chất lượng thì phải nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này.

Từ góc độ khoa học pháp lý và cơ sở thực tiễn, tác giả nhận thấy cần có một nghiên cứu toàn diện về quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh, qua đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp. Bằng vốn kiến thức tích lũy được trong quá trình học tập tại Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và thực tiễn công tác tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia – Bộ Tư pháp, tác giả lựa chọn đề tài: ***“Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh”*** cho luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp đã được các nhà nghiên cứu khoa học xã hội và các nhà hoạt động chính trị quan tâm dưới nhiều góc độ khác nhau. Có một số công trình khoa học, luận văn thạc sĩ nghiên cứu về lý lịch tư pháp, trong đó có bản về thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động lý lịch tư pháp nói chung. Kết quả nghiên cứu về vấn đề này chủ yếu được thể hiện ở các sách, đề tài nghiên cứu, luận văn và bài báo khoa học. Trong đó, có thể điểm ra một số công trình sau đây:

- Đề tài *“Những cơ sở pháp lý của việc hình thành tổ chức lý lịch tư pháp để phục vụ cho chính sách xử lý hình sự, quản lý xã hội bằng pháp luật và bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của công dân”*, luận văn thạc sĩ của Đại học Luật Hà Nội, Nguyễn Trí Hòa, 1997.

- Đề tài khoa học cấp Bộ, *“Xây dựng tiêu chí kiểm soát chất lượng hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp”*, năm 2014, Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp.

- Đề tài: *“Thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp ở Việt Nam”*, luận văn thạc sĩ Học viện Chính trị- Quốc gia-Hồ Chí Minh, Đỗ Thị Thúy Lan, năm 2011.

- Đề tài: *“Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội”*, Nguyễn Thị Ngọc, năm 2014 và đề tài: *“Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng”*, Nguyễn Thị Phương Anh, năm 2015, luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học - Xã hội.

- Một số bài báo, tạp chí đề cập đến vị trí, vai trò và ý nghĩa của công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp như: Trần Thất, số 3,4/1996: *“Một số suy nghĩ bước đầu về quản lý lý lịch tư pháp”* Tạp chí Dân chủ và Pháp luật. Nguyễn Đức Chính, số 8/1997: *“Một số suy nghĩ về vấn đề lý lịch tư pháp”*,

Tạp chí Nhà nước và Pháp luật. Nguyễn Minh Đức, số 10/2008: “*Lý lịch tư pháp: Nhìn từ góc độ công tác thống kê tội phạm của ngành kiểm sát*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp. Đỗ Thị Thúy Lan (2012), *Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của Luật Lý lịch tư pháp*, Số chuyên đề Lý lịch tư pháp của Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Nxb Tư pháp. Nguyễn Thị Minh Phương (2008), “*Pháp luật về lý lịch tư pháp của một số nước trên thế giới*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp. Đặng Thanh Sơn (chủ biên, 2011). “*Một số nội dung cơ bản về lý lịch tư pháp*”, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội. “*Lý lịch tư pháp*”, năm 2012, Số chuyên đề - Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Nxb Tư pháp.

Các công trình trên đã nghiên cứu về lý lịch tư pháp ở nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau và là nguồn tư liệu quan trọng để tác giả tham khảo thực hiện đề tài này. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, cụ thể đối với quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, tác giả tham khảo, kế thừa và phát huy có chọn lọc, sáng tạo để bổ sung cho luận văn của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu đề tài là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và pháp luật, vai trò của quản lý nhà nước đối với lý lịch tư pháp, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và từ đó đưa ra quan điểm, giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp luật đối với quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

- Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, qua đó tìm ra nguyên nhân của những hạn chế.

- Đề xuất các quan điểm, giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là tập trung nghiên cứu nội dung quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và thực tiễn thực hiện quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là những vấn đề cơ bản nhất về quản lý nhà nước đối với lý lịch tư pháp. Luận văn không đề cập tới quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên toàn quốc mà tập trung nghiên cứu thực trạng về quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp sau đây:

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: tác giả nghiên cứu một số tài liệu như: Luật, văn bản quy phạm pháp luật, sách báo, đề tài khoa học, tạp chí, các bài viết trên internet có nội dung liên quan đến lý lịch tư pháp để làm cơ sở lý luận cho luận văn. Bên cạnh đó, tác giả thu thập các báo cáo để có các số liệu minh chứng cho các phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp của luận văn.

Phương pháp phân tích: nhằm làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

Phương pháp thống kê: để thống kê các số liệu trong thực tiễn về lý lịch tư pháp làm cơ sở cho việc đưa ra những nhận xét, kết luận và kiến nghị hoàn thiện các quy định về thể chế lý lịch tư pháp.

Ngoài ra, tác giả còn sử dụng một số phương pháp như: phương pháp so sánh, tổng hợp, phương pháp trao đổi...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Về lý luận

- Luận văn góp phần hệ thống hóa những vấn đề lý luận và pháp luật đối với quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

- Luận văn có thể được dùng làm tài liệu phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo về lý lịch tư pháp.

6.2. Về thực tiễn

Các kiến nghị về giải pháp của luận văn có giá trị tham khảo đối với cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật của quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Chương 3: Quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP

1.1. Những vấn đề lý luận của quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

1.1.1. Khái niệm quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

* *Khái niệm quản lý nhà nước*

Quản lý xuất hiện cùng với nhu cầu của con người, gắn liền với quá trình phân công và phối hợp trong lao động của con người. C. Mác đã coi “*quản lý là một chức năng đặc biệt nảy sinh từ bản chất xã hội của quá trình lao động*” [9, tr. 29-30]. Nhân mạnh nội dung trên ông viết: “*Tất cả mọi lao động xã hội trực tiếp hay lao động chung nào tiến hành trên một quy mô tương đối lớn, thì ít nhiều cũng đều cần đến một sự chỉ đạo để điều hòa những hoạt động cá nhân và thực hiện những chức năng chung... Một người độc tấu vĩ cầm tự điều khiển lấy mình, còn một dàn nhạc thì cần phải có nhạc trưởng*” [10, tr. 480]. Ở đâu có sự hợp tác của nhiều người, ở đó cần có quản lý, bởi vì hoạt động chung của nhiều người đòi hỏi phải được liên kết lại dưới nhiều hình thức. Chủ thể của quản lý là con người hay tổ chức của con người. Những cá nhân hay tổ chức của con người phải là những đại diện có quyền uy, có quyền hạn và trách nhiệm liên kết, phối hợp những hoạt động riêng lẻ của từng cá nhân hướng tới mục tiêu chung nhằm đạt được kết quả nhất định trong quản lý. Khách thể của quản lý là trật tự quản lý. Trật tự này được quy định bởi nhiều loại quy phạm khác nhau: Quy phạm đạo đức, quy phạm chính trị, quy phạm pháp luật...

Như vậy, có thể hiểu *quản lý là sự tác động có mục đích của các chủ thể quản lý đối với các đối tượng quản lý. Quản lý xuất hiện ở bất kỳ nơi nào, lúc nào nếu ở nơi đó và lúc đó có hoạt động chung của con người. Mục đích*

và nhiệm vụ của quản lý là điều khiển, chỉ đạo hoạt động chung của con người, phối hợp các hoạt động riêng lẻ của từng cá nhân tạo thành một hoạt động chung thống nhất của cả tập thể và hướng hoạt động chung đó theo những phương hướng thống nhất nhằm đạt được mục tiêu đã định trước. Quản lý được thực hiện bằng tổ chức và quyền uy [28, tr.10].

Quản lý nhà nước là một dạng quản lý xã hội đặc biệt, xuất hiện và tồn tại cùng với sự xuất hiện và tồn tại của nhà nước. Chủ thể của quản lý nhà nước là các tổ chức hay cá nhân mang quyền lực nhà nước trong quá trình tác động tới đối tượng quản lý. Chủ thể quản lý nhà nước bao gồm: Nhà nước, cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân được nhà nước trao quyền thực hiện hoạt động quản lý nhà nước. Khách thể của quản lý nhà nước là trật tự quản lý nhà nước. Trật tự quản lý nhà nước do pháp luật quy định.

Có thể hiểu quản lý nhà nước là sự tác động của các chủ thể mang quyền lực nhà nước, chủ yếu bằng pháp luật, tới các đối tượng quản lý nhằm thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước [28, tr.10].

Từ khái niệm trên về quản lý nhà nước ta rút ra các đặc điểm của quản lý nhà nước như sau:

Một là, quản lý nhà nước mang tính quyền lực nhà nước. Quyền lực là công cụ quản lý bao gồm một hệ thống pháp luật, điều lệ, quy chế, nội quy, kỷ luật, kỷ cương... được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phân công, phân cấp rành mạch trên cơ sở ứng dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật quản lý. Giữa quản lý và quyền lực có mối quan hệ chặt chẽ. Bản thân quản lý là một quan hệ có tính quyền uy.

Hai là, quản lý nhà nước mang tính tổ chức và điều chỉnh. Tổ chức ở đây được hiểu như một khoa học về việc thiết lập những mối quan hệ giữa con người với con người nhằm thực hiện quá trình quản lý xã hội. Tính điều chỉnh được hiểu là nhà nước dựa vào các công cụ pháp luật để buộc đối tượng bị

quản lý phải thực hiện theo quy luật xã hội khách quan nhằm đạt được sự cân bằng trong xã hội.

Ba là, quản lý nhà nước mang tính khoa học, tính kế hoạch. Đặc trưng này đòi hỏi nhà nước phải tổ chức các hoạt động quản lý của mình lên đối tượng quản lý phải có một chương trình nhất quán, cụ thể và theo những kế hoạch được vạch ra từ trước trên cơ sở nghiên cứu một cách khoa học.

Bốn là, quản lý nhà nước là những tác động mang tính liên tục và ổn định lên các quá trình xã hội và hệ thống các hành vi xã hội. Cùng với sự vận động biến đổi của đối tượng quản lý, hoạt động quản lý nhà nước phải diễn ra thường xuyên, liên tục, không bị gián đoạn. Các quyết định của nhà nước phải có tính ổn định, không được thay đổi quá nhanh. Tính ổn định trong các quyết định của nhà nước giúp cho chủ thể quản lý có điều kiện kiện toàn hoạt động của mình và hệ thống hành vi xã hội được ổn định.

Năm là, quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Bất kỳ xã hội và bất kỳ kiểu nhà nước nào, việc quản lý xã hội và thực hiện quyền lực nhà nước đều phải có sự tập trung quyền lực. Đây là yếu tố bắt buộc và mang tính tất yếu nhằm điều khiển (quản lý) được toàn bộ các hoạt động xã hội, thiết lập và duy trì một trật tự xã hội phù hợp với ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị xã hội. Tuy nhiên, nội dung (tính chất) của sự tập trung trong các chế độ và chế độ nhà nước hoàn toàn không giống nhau. Điều đó trước hết phụ thuộc vào bản chất của chế độ xã hội, chế độ nhà nước, phụ thuộc vào trình độ phát triển của xã hội.

**** Khái niệm quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp***

Trong xu thế hội nhập và phát triển kinh tế quốc tế hiện nay, lý lịch tư pháp ngày càng trở nên cần thiết và xuất hiện ngày càng nhiều trong các quan hệ xã hội. Pháp luật các nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam đều quy định về việc cá nhân phải có phiếu lý lịch tư pháp khi tham gia vào các

quan hệ xã hội. Nói đến lý lịch bao giờ cũng gắn với một đối tượng cụ thể. Đối tượng được đề cập ở đây có thể là những cá nhân hoặc có thể là một tổ chức. Khái niệm lý lịch thường được hiểu là ghi chép lại (thường dưới dạng một hồ sơ) những sự kiện chủ yếu trong quá khứ và hiện tại của một đối tượng. Vậy hiểu thế nào là “lý lịch tư pháp”, phải chăng lý lịch tư pháp là sự ghi chép những thông tin liên quan đến đối tượng mà những thông tin đó có ý nghĩa về mặt tư pháp. Vấn đề đặt ra là hiểu thế nào là những thông tin có ý nghĩa về mặt tư pháp. Điều này lại tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội khác nhau và thiết chế tư pháp đặc thù của từng quốc gia mà có những khái niệm về lý lịch tư pháp.

Nhìn chung, lý lịch là thuật ngữ được gắn với một cá nhân hoặc tổ chức cụ thể. Mặt khác, lý lịch thường được hiểu là ghi chép lại (thường dưới dạng một hồ sơ) những sự kiện chủ yếu trong quá khứ và hiện tại của một đối tượng cụ thể. Như vậy, lý lịch tư pháp là khái niệm dùng để chỉ ghi chép những sự kiện liên quan đến đối tượng mà những sự kiện đó có ý nghĩa về mặt tư pháp. Những sự kiện có ý nghĩa về mặt tư pháp tùy thuộc vào mục đích, phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp của từng quốc gia. Vì vậy, để tìm hiểu khái niệm lý lịch tư pháp một cách đầy đủ và cụ thể hơn, chúng ta cần nghiên cứu khái niệm này ở một số nước trên thế giới.

Thuật ngữ “*Lý lịch tư pháp*”, theo tiếng Pháp: “*Le casier judiciaire*” có nghĩa là cái tủ có nhiều ngăn chứa đựng những phán quyết của Tòa án; theo tiếng Anh: “*Criminal record*” có nghĩa là hồ sơ về hình sự, là hồ sơ ghi nhớ các phán quyết về hình sự của Tòa án đối với một người cụ thể. Nhìn chung trên thế giới có 2 xu hướng quan niệm về phạm vi lý lịch tư pháp:

Thứ nhất: Lý lịch tư pháp chỉ quan tâm tới án tích hình sự của cá nhân. Trong tiếng Anh, thuật ngữ “*criminal record*” có ý nghĩa tương ứng với “*lý lịch tư pháp*”, nhưng phản ánh rất rõ ý nghĩa chỉ ghi nhận những án tích hình

sự. Đây là quan niệm có thể thấy trong thể chế lý lịch tư pháp của Nhật Bản, Đài Loan...

Thứ hai: Đối tượng quan tâm của lý lịch tư pháp không bó hẹp trong án tích hình sự, mà còn được mở rộng tới việc ghi nhớ cả những quyết định cấm hoặc tạm ngừng một quyền nào đó (ví dụ: cấm thành lập doanh nghiệp đối với người đã tuyên bố phá sản doanh nghiệp...). Như vậy, phạm vi lý lịch tư pháp theo xu hướng này bao gồm cả những phán quyết của Tòa án về hình sự, dân sự, hành chính. Đại diện cho xu hướng này là thể chế lý lịch tư pháp của Pháp và Đức ...

Tuy vậy, cho dù theo xu hướng nào thì hệ thống quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp bao giờ cũng chỉ hướng đến các bản án, quyết định là kết quả của hoạt động xét xử và mục đích của việc quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp bao giờ cũng nhằm trước hết là phục vụ cho hoạt động xét xử nói riêng và hoạt động tố tụng nói chung. Theo pháp luật của nhiều quốc gia, khái niệm lý lịch tư pháp đều đồng nhất với khái niệm lý lịch hình sự, nói cách khác là lý lịch ghi nhớ các phán quyết về hình sự của Tòa án đối với người phạm tội.

Ở Việt Nam, thuật ngữ "*lý lịch tư pháp*" đã xuất hiện trong đời sống pháp lý nước ta kể từ khi thực dân Pháp đặt ách đô hộ lên đất nước ta. Nhìn vào lịch sử, trong các văn bản pháp luật của chế độ cũ đã sử dụng thuật ngữ "*tư pháp lý lịch*", tương ứng với thuật ngữ tiếng Pháp "*casier judiciaire*" và được định nghĩa "*Tư pháp lý lịch là một tổ chức nhằm tập trung tài liệu về những tiền án liên hệ đến một cá nhân*" [24, tr. 485]. Cách sử dụng thuật ngữ này đã nhấn mạnh về tính chất đặc biệt của một loại lý lịch cá nhân. Trước khi có Luật Lý lịch tư pháp, khái niệm "*lý lịch tư pháp*" được hiểu một cách chung nhất là lý lịch về án tích của người bị kết án bằng bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật và tình trạng thi hành bản án đó. Sau đó, theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp, lý lịch tư pháp được quy định "*là lý*

lịch về án tích của người bị kết án bằng bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, tình trạng thi hành án và về việc cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản". Như vậy, khái niệm lý lịch tư pháp được ghi nhận thêm các thông tin liên quan đến các quyết định của Tòa án về cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của Luật Phá sản.

Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp cũng như bất kỳ dạng quản lý công vụ của bộ máy hành pháp, được điều chỉnh bằng pháp luật, vừa mang tính quyền lực, tính tổ chức cao, vừa mang tính đặc thù quản lý ngành.

Có thể hiểu *quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp là quá trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sử dụng quyền lực của mình tác động có tổ chức và điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong hoạt động cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp; lập lý lịch tư pháp; tổ chức và quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; cấp phiếu lý lịch tư pháp theo các nguyên tắc nhất định nhằm đạt được mục tiêu của quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.*

Cụ thể hơn, quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp là cả một quá trình với nhiều hoạt động như ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lý lịch tư pháp; chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lý lịch tư pháp; tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về lý lịch tư pháp; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm công tác lý lịch tư pháp; quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; bảo đảm cơ sở vật chất và phương tiện làm việc; chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về lý lịch tư pháp; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp; ban hành và quản lý thống nhất các biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về lý lịch tư pháp; triển khai việc ứng dụng công nghệ thông

tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý lý lịch tư pháp; thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực lý lịch tư pháp.

1.1.2. Nội dung quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp được thể hiện trên những nội dung cơ bản sau:

Một là, hoạt động xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lý lịch tư pháp. Xây dựng pháp luật và đưa pháp luật vào thực tiễn là cả một quá trình đòi hỏi phải có sự vận hành của toàn bộ hệ thống chính trị - xã hội. Pháp luật là cơ sở và là công cụ thực hiện quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, nó vừa là các chuẩn mực pháp lý cho các cơ quan nhà nước thực hiện quản lý, vừa là cơ sở cho việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan này. Trên cơ sở pháp luật, các chủ thể quản lý có định hướng, có cơ sở pháp lý, có phương pháp thích hợp để thực hiện các mục tiêu quản lý đã đề ra và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh hoạt động về lý lịch tư pháp phù hợp với điều kiện ở địa phương mình.

Hai là, tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về lý lịch tư pháp: Trong công tác quản lý nhà nước, phổ biến, giáo dục pháp luật được hiểu theo nghĩa rộng và được xác định là một công việc trọng tâm và thường xuyên của các cơ quan nhà nước, các cấp, các ngành. Phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. Vai trò này bắt nguồn từ vai trò và giá trị xã hội của pháp luật.

Ba là, đảm bảo mối quan hệ phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. Do đặc thù của lý lịch tư pháp có liên quan đến phạm vi quản lý của nhiều cấp, nhiều ngành khác nhau nên hoạt động ban hành và tổ chức triển khai thi hành pháp luật về lý lịch tư pháp cần đảm bảo tính thống nhất, công khai, minh bạch. Ngày 10/5/2012, Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện

kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đã ký ban hành Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 04). Thông tư liên tịch số 04 đã tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, đầy đủ, toàn diện và đánh dấu một bước phát triển mới trong việc thiết lập mối quan hệ phối hợp giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia, Sở Tư pháp và cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, cơ quan có liên quan trong quân đội, cơ quan Thi hành án dân sự trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và phục vụ công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm công tác lý lịch tư pháp: Theo yêu cầu của Luật Lý lịch tư pháp, đội ngũ công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp sẽ phải thực hiện một khối lượng công việc lớn hơn, tính chất phức tạp hơn rất nhiều so với trước đây. Tất cả những kỹ năng tiếp nhận, cập nhật, tra cứu, xử lý thông tin lý lịch tư pháp... đến lập phiếu, cấp phiếu, lưu trữ hồ sơ lý lịch tư pháp đều cần được chuẩn hóa và đào tạo một cách bài bản, chuyên nghiệp. Nếu như trước khi Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực, các Sở Tư pháp chủ yếu thực hiện hai công việc tương đối đơn giản là tiếp nhận yêu cầu cấp phiếu; cấp phiếu hoặc trả lời từ chối cấp phiếu, còn việc tra cứu xác định thông tin lý lịch tư pháp - hoạt động phức tạp nhất lại do cơ quan Công an xử lý mà không phải do Sở Tư pháp đảm nhận thì Luật Lý lịch tư pháp hiện nay đã đặt ra những nghiệp vụ mới mà công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp phải thực hiện. Đó là tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp nhằm thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý lý lịch tư pháp, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp không lờ của ngành Tư pháp. Để làm được điều này, đòi hỏi phải có đủ cán bộ làm công tác lý lịch tư pháp được đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ lý

lich tư pháp để nắm bắt các yêu cầu và giải quyết công việc theo quy định của pháp luật.

Năm là, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp: Một trong những nội dung quan trọng của Luật Lý lịch tư pháp là tạo cơ sở pháp lý để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp riêng theo đúng nguyên tắc của hoạt động này, theo hướng chuyên nghiệp và từng bước hiện đại. Theo quy định của Luật, cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là tập hợp các thông tin lý lịch tư pháp về án tích, thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được cập nhật và xử lý theo quy định của Luật này. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng và quản lý tại Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia thuộc Bộ Tư pháp và tại Sở Tư pháp. Mô hình quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo quy định của Luật lý lịch tư pháp (mô hình 2 cấp) là phù hợp và có tính khả thi trong điều kiện hiện nay. Về lâu dài, để đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, việc quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp cần được ứng dụng công nghệ thông tin, hướng tới xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp quốc gia thống nhất (mô hình 1 cấp), các Sở Tư pháp được quyền truy cập, tra cứu thông tin lý lịch tư pháp để thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Sáu là, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp. Thanh tra và kiểm tra là những hoạt động thiết yếu, thường xuyên của công tác quản lý Nhà nước, ở đâu có quản lý thì ở đó có thanh tra, kiểm tra. Chính vì vậy, khi bàn về quản lý nhà nước, Lê Nin nói: *“Điều kiện tất yếu để công tác quản lý được chính xác là việc kiểm tra tình hình chấp hành Chỉ thị và Nghị quyết. Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành là một trong những ưu điểm cơ bản nhất, tất yếu nhất của phương thức quản lý...”*. Một cơ quan nắm trọn quyền hạn, thẩm quyền trong thực hiện quyền lực nhà nước mà không được kiểm tra

thì dễ phát sinh lạm quyền, cửa quyền, lạm quyền, vì động cơ mục đích cá nhân, cục bộ ngành, địa phương. Các cơ quan quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, ngoài chức năng chính của mình đều thực hiện hoạt động bảo đảm pháp chế và kỷ luật trong quản lý nhà nước bằng nhiều hình thức, phương pháp, biện pháp khác nhau. Nếu không thực hiện tốt loại hoạt động này thì tất yếu sẽ ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện chức năng chính.

Bảy là, Bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật để thực hiện nhiệm vụ quản lý lý lịch tư pháp; ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Trước mắt, cần phấn đấu để việc tin học hóa được thực hiện hoàn toàn tại Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, còn ở các Sở Tư pháp thì tùy theo điều kiện sẽ thực hiện tin học hóa theo lộ trình đến năm 2020 với sự chỉ đạo thống nhất của Chính phủ.

Tám là, thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực lý lịch tư pháp: Việc mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế về pháp luật nhằm khai thác sự hỗ trợ quốc tế để hoàn thiện hệ thống pháp luật từ đó đến nay luôn là mối quan tâm lớn, thường xuyên và là một trong những chủ trương quan trọng của Đảng và Nhà nước, được ghi nhận trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và thể chế hóa bằng pháp luật của Nhà nước. Đối với quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, cần tăng cường việc giao lưu, học hỏi kinh nghiệm pháp luật của một số nước trên thế giới như Pháp, Đức, Bỉ... nhằm hoàn thiện hơn pháp luật Việt Nam về lý lịch tư pháp.

1.1.3. Vai trò của quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

Thực tiễn cuộc sống cũng như những yêu cầu mới của pháp luật trong những năm gần đây cho thấy, quản lý lý lịch tư pháp có vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống dân sự của công dân, cũng như trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Thứ nhất, đáp ứng yêu cầu của cá nhân cần chứng minh bản thân có hay không có án tích, có bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản.... Các thông tin lý lịch tư pháp về cá nhân được cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp dưới hình thức Phiếu lý lịch tư pháp. Việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp có ý nghĩa là một hoạt động phục vụ của Nhà nước nhằm giúp công dân thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Thứ hai, Lý lịch tư pháp là nguồn cung cấp những thông tin chính thức về quá khứ nhân thân của bị can, bị cáo để cơ quan điều tra, truy tố, xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với họ trong khi giải quyết những vụ việc cụ thể. Xét theo góc độ này thì những thông tin mà cơ quan lý lịch tư pháp cung cấp cho các cơ quan tiến hành tố tụng có giá trị trong việc xem xét, xác định bị can, bị cáo tái phạm hay không tái phạm.

Thứ ba, Lý lịch tư pháp ghi nhận việc xoá án tích của người bị kết án. Thực hiện chính sách tái hoà nhập cộng đồng của người phạm tội sau khi đã chấp hành xong bản án, theo đó, những người phạm tội sau khi đã chấp hành xong bản án được xã hội tạo điều kiện để tái hoà nhập cộng đồng trên cơ sở tôn trọng quyền con người. Pháp luật của nhiều nước và ở nước ta đều có quy định về vấn đề xoá án tích sau khi người phạm tội đã chấp hành xong hình phạt và đã qua thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Lý lịch tư pháp được xem như một yếu tố đảm bảo không có sự phân biệt đối xử đối với người phạm tội sau khi đã chấp hành xong bản án, điều này được thể hiện ở chỗ người đã từng bị kết án khi đủ điều kiện đương nhiên được xoá án tích hoặc đã được toà án quyết định xoá án tích, thì được coi như chưa bị kết án. Do vậy, những người này khi có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cơ quan quản lý lý lịch tư pháp sẽ cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người đó và trong nội

dung của Phiếu lý lịch tư pháp sẽ ghi là “không có án tích”. Phiếu lý lịch tư pháp trong đó ghi “không có án tích” sẽ tạo điều kiện cho người bị kết án tái hoà nhập cộng đồng, bớt mặc cảm và không bị cộng đồng phân biệt đối xử.

Thứ tư, Lý lịch tư pháp là một trong những nguồn thông tin để các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị... xem xét, đánh giá tư cách đạo đức của cá nhân (chứng minh cá nhân có hay không có tiền án). Vì vậy, pháp luật nhiều nước trên thế giới và Việt Nam trong những năm gần đây có quy định về việc phải có Phiếu lý lịch tư pháp khi tham gia một số quan hệ pháp luật nhất định như khi xem xét việc xuất cảnh, nhập cảnh, cho nhập, thôi, trở lại quốc tịch, nuôi con nuôi; cấp chứng chỉ hành nghề luật sư, kiểm toán, y dược tư nhân; tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, du học...

1.1.4. Nguyên tắc quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp là một lĩnh vực đặc thù và chuyên biệt, là lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền nhân thân của công dân. Do đó, Luật Lý lịch tư pháp xác định rõ các nguyên tắc quản lý lý lịch tư pháp tại Điều 4 của Luật. Đây là các nguyên tắc cơ bản xuyên suốt trong tổ chức và quản lý lý lịch tư pháp:

Một là, Lý lịch tư pháp chỉ được lập trên cơ sở bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; quyết định của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản đã có hiệu lực pháp luật. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của tổ chức và hoạt động lý lịch tư pháp. Lý lịch tư pháp của một người chỉ được lập khi người đó bị Tòa án kết án bằng bản án, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, khi một người bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp trong quyết định tuyên bố phá sản, thì Lý lịch tư pháp của người đó sẽ được cơ quan có thẩm quyền lập trong trường hợp người đó chưa có Lý lịch tư pháp.

Hai là, bảo đảm tôn trọng bí mật đời tư của cá nhân. Thông tin lý lịch tư pháp là thông tin có liên quan đến quyền nhân thân và bí mật đời tư của cá nhân. Vì vậy, việc quản lý và sử dụng thông tin này phải bảo đảm tôn trọng bí mật đời tư của cá nhân. Nguyên tắc này được thể hiện rõ nét trong các quy định của Luật Lý lịch tư pháp về quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, việc cung cấp, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp cũng như quy định về thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Ba là, thông tin lý lịch tư pháp phải được cung cấp, tiếp nhận, cập nhật, xử lý đầy đủ, chính xác theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Lý lịch tư pháp. Cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trong Phiếu lý lịch tư pháp. Lý lịch tư pháp là vấn đề quan trọng của mỗi con người, nhằm chứng minh cá nhân có hay không có án tích, có bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản. Do đó, việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp phải đầy đủ, chính xác theo đúng trình tự, thủ tục được coi là một trong những nguyên tắc cơ bản của quản lý lý lịch tư pháp. Theo quy định tại Điều 41 Luật Lý lịch tư pháp, có 02 loại Phiếu lý lịch tư pháp:

Phiếu lý lịch tư pháp số 1 cấp theo yêu cầu của công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam và cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để phục vụ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Phiếu lý lịch tư pháp số 2 là cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng và cấp theo yêu cầu của cá nhân để người đó biết được nội dung về lý lịch tư pháp của mình.

1.2. Những vấn đề pháp luật của quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

1.2.1. *Quá trình phát triển của pháp luật về lý lịch tư pháp*

Thời kỳ Pháp thuộc, chế độ lý lịch tư pháp ở nước ta được tổ chức khá chặt chẽ và có hệ thống nhằm phục vụ cho bộ máy tư pháp của chế độ thực dân. Thời kỳ này, ở mỗi cấp Toà án đều có phòng lục sự với chức năng lập, lưu giữ và cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở các bản án đã có hiệu lực pháp luật [12, tr.9].

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, cùng với việc hình thành và phát triển bộ máy tư pháp, hệ thống pháp luật về lý lịch tư pháp cũng được hình thành và trải qua các bước phát triển khác nhau phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn cách mạng đặt ra trong từng giai đoạn lịch sử của đất nước. Tuy nhiên, những năm sau cách mạng tháng tám vì nhiều những nguyên nhân khách quan và chủ quan nên công tác lý lịch tư pháp cũng không có điều kiện đầu tư và chú trọng nhiều.

Ngày 02/11/1955 Bộ Tư pháp và Bộ Công an ban hành Thông tư số 1909/UHC về việc theo dõi tư pháp lý lịch, căn cước của bị can và những người bị tình nghi. Trong Thông tư này nói rõ việc theo dõi căn cước và tư pháp lý lịch bị can và những người bị tình nghi giúp cho Công an và Toà án hiểu biết được quá khứ, lý lịch của bọn chúng, điều tra có kết quả các vụ phạm pháp hoặc có kế hoạch ngăn ngừa đề phòng chúng phá hoại trật tự an ninh xã hội hoặc trà trộn chui vào nội bộ ta [12, tr. 14].

Ngày 04/6/1993 Chính phủ ban hành Nghị định số 38-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Tư pháp, trong đó có đề cập đến chức năng, nhiệm vụ về thống nhất quản lý lý lịch tư pháp. Điều 2 mục 4 về công tác tư pháp khác quy định: “*Thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động luật sư; công chứng, giám định, hộ tịch và các hoạt động tư pháp khác; trình Chính phủ quyết định (hoặc quyết định theo sự*

ủy quyền của Chính phủ) quy chế tổ chức và hoạt động của các tổ chức luật sư, công chứng, giám định, thống nhất quản lý các biểu mẫu, sổ sách về công chứng, hộ tịch, thống kê tư pháp, lý lịch tư pháp; quản lý các công việc về quốc tịch theo quy định của pháp luật”. Thông tư liên bộ số 12/TTLB ngày 26/7/1993 của Bộ Tư pháp và Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/1993/NĐ - CP đã đề cập đến công tác lý lịch tư pháp và coi đây là một trong các nhiệm vụ của Ngành Tư pháp. Điểm 5, phần I quy định: “*Quản lý các hoạt động công chứng, giám định tư pháp theo quy định của Bộ Tư pháp; chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và kiểm tra thực hiện công tác hộ tịch, lý lịch tư pháp thống kê tư pháp theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp*”. Nội dung này tiếp tục được khẳng định tại Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 62/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp và nay là Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp (điểm a khoản 11 Điều 2). Tại điểm g khoản 12 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV ngày 28/4/2009 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Tư pháp có nhiệm vụ “*cấp Phiếu lý lịch tư pháp, quản lý, lưu trữ hồ sơ lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật*”.

Trong bối cảnh thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế cũng như cùng với tiến trình hoàn thiện hệ thống pháp luật ở nước ta, nhu cầu xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp của công dân ngày càng tăng. Trên cơ sở kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08/02/1999, Bộ Tư pháp và Bộ Công an đã ban hành Thông tư liên tịch số 07/1999/TTLT-BTP-BCA quy định cơ chế phối hợp giữa ngành Tư pháp và ngành Công an trong việc cung

cấp thông tin từ hệ thống tàng thư căn cước can phạm của Công an để Sở Tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Thông tư số 07 được coi là “điểm mốc” đánh dấu sự phát triển của công tác lý lịch tư pháp. Trên cơ sở Thông tư này, công tác quản lý lý lịch tư pháp bắt đầu được triển khai thống nhất trên toàn quốc từ năm 1999. Qua 10 năm thực hiện Thông tư số 07, công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp nhìn chung được triển khai khá tốt trên phạm vi cả nước, đạt được những kết quả đáng khích lệ. Từ năm 1999 đến năm 2008, các Sở Tư pháp đã cấp 699.495 Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam và người nước ngoài có thời gian cư trú tại Việt Nam để làm các thủ tục như: xin việc làm, xuất khẩu lao động, du học, thành lập doanh nghiệp, xuất cảnh, thăm thân nhân vv... [12, tr. 22].

Trước yêu cầu đẩy mạnh cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền công dân, góp phần vào công cuộc hội nhập quốc tế, ngày 17/6/2009, Quốc hội nước ta đã thông qua Luật Lý lịch tư pháp. Luật Lý lịch tư pháp ra đời đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để xây dựng chế định lý lịch tư pháp riêng, tách ra khỏi chế định căn cước tội phạm, nhưng đồng thời có quan hệ mật thiết, bổ sung lẫn nhau bằng cách xây dựng hệ thống dữ liệu lý lịch tư pháp từng bước vững chắc theo đúng nguyên tắc của hoạt động này, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài; gắn việc quản lý dữ liệu lý lịch tư pháp với cấp Phiếu lý lịch tư pháp phục vụ nhu cầu của người dân bảo đảm công tác quản lý lý lịch tư pháp chặt chẽ; thủ tục giải quyết yêu cầu của người dân minh bạch, đơn giản; tôn trọng quyền dân chủ và bí mật đời tư của công dân.

Sau khi Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực, để thực hiện Luật, ngày 23/9/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1532/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Lý lịch tư pháp. Ngày 23/11/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định

chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. Ngày 28/12/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2369/2010/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “*Xây dựng Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và kiện toàn tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp*”.

Ngày 27/6/2011, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký ban hành Thông tư số 13/2011/TT-BTP về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. Ngày 10/5/2012, Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đã ký ban hành Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. Ngày 06/2/2013, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký ban hành Thông tư số 06/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. Đặc biệt, để bảo đảm phát triển hoạt động lý lịch tư pháp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, theo lộ trình phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, trên cơ sở đề xuất của Bộ Tư pháp, ngày 19/02/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 338/QĐ-TTg phê duyệt “*Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030*”. Đây là cơ sở pháp lý rất quan trọng, mang tính định hướng và xác lập các điều kiện về vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực cho phát triển công tác lý lịch tư pháp của nước ta.

Hiện nay, hệ thống văn bản về lý lịch tư pháp đã cơ bản hoàn thiện, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng hoạt động quản lý lý lịch tư pháp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Để hướng dẫn thi hành Luật lý lịch tư pháp, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan: Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc

phòng xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, ban hành theo thẩm quyền hoặc liên tịch ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

Bên cạnh đó, các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng đã ban hành một số Chỉ thị, Kế hoạch ... để triển khai thực hiện Luật lý lịch tư pháp.

Sau gần 8 năm thực hiện Luật Lý lịch tư pháp, đến nay hệ thống văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đã cơ bản đầy đủ và hoàn thiện, tạo tiền đề cơ bản để đưa Luật Lý lịch tư pháp từng bước đi vào cuộc sống. Luật lý lịch tư pháp đặt ra những nhiệm vụ hoàn toàn mới, phức tạp và khó khăn, đòi hỏi phải có sự chuẩn bị chu đáo về tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất kỹ thuật, đội ngũ chuyên gia cùng với sự phối hợp giữa các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Quốc phòng, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan với Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, phục vụ công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Luật lý lịch tư pháp đã tạo cơ sở pháp lý để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp riêng theo đúng nguyên tắc của hoạt động này, theo hướng chuyên nghiệp và từng bước hiện đại, gắn việc xây dựng cơ sở dữ liệu với cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Trước khi Luật lý lịch tư pháp được ban hành, do chưa có cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp riêng, nên trong những năm vừa qua, các Sở Tư pháp phải tra cứu thông tin từ hệ thống tàng thư can phạm của cơ quan Công an và từ hồ sơ án lưu của Tòa án để làm căn cứ cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân. Hiện nay, thực hiện quy định của Luật lý lịch tư pháp, cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp đang từng bước được xây dựng tại Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia và các Sở Tư pháp trên toàn quốc.

Với hệ thống văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật nói trên đã tạo cơ sở để Luật lý lịch tư pháp đi vào cuộc sống, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng hoạt động quản lý lý lịch tư pháp theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

1.2.2. Những quy định pháp luật liên quan đến lý lịch tư pháp

Ý nghĩa, giá trị của Phiếu lý lịch tư pháp trong đời sống xã hội ngày càng được nâng lên. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường làm cho các quan hệ xã hội cũng ngày càng phong phú và đa dạng. Phiếu lý lịch tư pháp được coi là giấy tờ pháp lý quan trọng chứng minh cá nhân có hay không có án tích khi tham gia vào các quan hệ pháp lý, đặc biệt là trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế. Do đó, hiện nay có nhiều văn bản của Nhà nước quy định về việc phải có Phiếu lý lịch tư pháp khi tham gia vào các quan hệ pháp lý, theo đó, Phiếu lý lịch tư pháp trở thành một trong những giấy tờ bắt buộc phải có của cá nhân. Bởi vậy, việc giải quyết cấp Phiếu lý lịch tư pháp có ý nghĩa là một hoạt động phục vụ của Nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu của cá nhân chứng minh về tình trạng tiền án khi tham gia các quan hệ pháp lý ở trong nước và nước ngoài. Quy định này được thể hiện ở nhiều văn bản trên các lĩnh vực:

Theo quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, việc tìm hiểu quá khứ hình sự của một người là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng đối với cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều 3 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) đã quy định nguyên tắc xử lý “... *Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng*”. Đối với người tự thú, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu “*Khoan hồng đối với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự*

nguyên sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra”, “Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, đã hối cải, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục”.

Pháp luật hình sự cũng quy định cụ thể các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tái phạm, tái phạm nguy hiểm... là một trong những căn cứ để quyết định hình phạt. Những thông tin do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử có giá trị trong việc xem xét, xác định bị can, bị cáo tái phạm hay không tái phạm.

Trong các lĩnh vực như dân sự, hôn nhân - gia đình, kinh doanh, hành nghề... có rất nhiều văn bản pháp luật của Nhà nước ta quy định cụ thể một trong những giấy tờ phải có khi tham gia vào một số quan hệ pháp luật thuộc lĩnh vực dân sự, kinh doanh, hành nghề là phải có Phiếu lý lịch tư pháp, như:

+ Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam quy định, người nước ngoài xin thường trú thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 của Pháp lệnh (trường hợp là vợ, chồng, con, cha, mẹ của công dân Việt Nam thường trú ở Việt Nam được xem xét, giải quyết cho thường trú tại Việt Nam) khi nộp hồ sơ tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an hoặc tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, một trong những giấy tờ phải có trong hồ sơ là Lý lịch tư pháp có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân.

+ Nghị định số 105/2003/NĐ-CP ngày 17/9/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam quy định một trong những giấy tờ phải có trong hồ sơ xin việc làm của người nước ngoài là Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người lao động cư trú. Trường

hợp, người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam từ 06 (sáu) tháng trở lên thì ngoài phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp còn phải có phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp của Việt Nam nơi người nước ngoài đang cư trú cấp (Điều 5).

+ Luật Luật sư ngày 29/6/2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012) quy định một trong những giấy tờ phải có trong hồ sơ xin cấp Chứng chỉ hành nghề Luật sư, gia nhập đoàn Luật sư là Phiếu lý lịch tư pháp (Điều 17, Điều 20).

+ Khoản 2 Điều 12 Luật Công chứng năm 2014 quy định một trong những giấy tờ phải có trong hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên là Phiếu lý lịch tư pháp.

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP thì người nhận nuôi con nuôi trong nước phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp có giá trị sử dụng nếu được cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP thì người nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp có giá trị sử dụng nếu được cấp chưa quá 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục con nuôi, Bộ Tư pháp.

+ Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 01/2004/TT-BYT ngày 06 tháng 01 năm 2004 hướng dẫn về hành nghề y, dược tư nhân, người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong các cơ sở y, y dược học cổ truyền tư nhân để được Bộ Y tế cấp giấy phép phải đáp ứng một số điều kiện theo quy định. Một trong những điều kiện đó là *“Có lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại xác nhận”*.

+ Theo quy định tại Quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 121/2008/QĐ-BTC ngày 24/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính), một trong

những giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký Mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài là Phiếu lý lịch tư pháp (Điều 4).

+ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 quy định người xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam khi nộp hồ sơ xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam, một trong những giấy tờ phải có là Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Ngoài phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp, đối với người xin nhập, xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải có Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập, xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ (Điều 20, Điều 24, Điều 28).

Ngoài các quy định trực tiếp yêu cầu phải có Phiếu lý lịch tư pháp trong các hồ sơ tuyển dụng, xin cấp Chứng chỉ hành nghề, xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch... , trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện hành nghề hoặc được bổ nhiệm một chức danh nào đó phải đáp ứng các yêu cầu như: không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người đang chấp hành hình phạt tù, đã bị kết án mà chưa được xoá án tích... như:

+ Pháp lệnh giám định tư pháp ngày 11/10/2004 quy định người “*đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích*” là một trong những trường hợp không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp (điểm a khoản 3 Điều 8).

+ Luật doanh nghiệp ngày 29/11/2005 quy định người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Toà án cấm hành nghề kinh doanh không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam (khoản 2 Điều 13).

Như vậy, có rất nhiều hình thức văn bản khác nhau như Luật, Nghị định, Thông tư về nhiều lĩnh vực khác nhau do nhiều ngành, nhiều cấp ban

hành làm nội dung cho công tác lý lịch tư pháp. Các văn bản pháp luật này là cơ sở để các cơ quan tiếp nhận hồ sơ yêu cầu cá nhân phải xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp khi tham gia một số quan hệ pháp luật nhất định.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp ảnh hưởng bởi những yếu tố cơ bản sau:

Hệ thống chính sách, pháp luật: Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: trong bất kỳ hoạt động quản lý nào thì đường lối, chủ trương, chính sách là nhân tố quyết định, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản lý. Khi chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật đồng bộ, hoàn thiện thì việc quản lý nhà nước sẽ trôi chảy, phát huy hiệu quả quản lý, thúc đẩy phát triển. Khi chủ trương, chính sách, pháp luật thiếu tính đồng bộ sẽ kìm hãm hiệu quả quản lý và quá trình phát triển.

Trong thời gian qua, Quốc hội và Chính phủ ban hành nhiều văn bản, chính sách quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội trong đó có lý lịch tư pháp. Việc ban hành các văn bản pháp luật về lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành là cơ sở cho các cơ quan chức năng của nhà nước trong việc quản lý nhà nước đối với công tác này. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước thì việc thi hành chính sách, pháp luật đòi hỏi phải có cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan. Bởi vì, cơ chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý các cấp có vai trò quan trọng, quyết định hiệu quả quản lý, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp. Cơ chế phối hợp tạo cơ sở cho việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật; góp phần nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật và phát huy được các nguồn lực để tập trung và xử lý có hiệu quả những vấn đề khó khăn, phức tạp phát sinh trong quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp mà một cơ quan, tổ chức không phải bao giờ cũng có thể giải quyết được.

Yếu tố con người: Hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp phụ thuộc nhiều vào năng lực, trình độ của đội ngũ công chức, viên chức thực thi pháp luật về lĩnh vực này. Đội ngũ công chức, viên chức làm công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp là những người trực tiếp tham gia xây dựng các văn bản pháp luật và thực thi pháp luật về lý lịch tư pháp. Do đó, năng lực, trình độ của các cán bộ là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, đòi hỏi đội ngũ công chức, viên chức làm công tác quản lý phải có tư duy khoa học, khả năng nghiên cứu và các văn bản chính sách pháp luật của nhà nước, có kinh nghiệm thực tế về vấn đề quản lý. Từ đó, ngoài việc tự nghiên cứu, học tập, bổ sung kiến thức thì trong quá trình công tác, đội ngũ công chức, viên chức phải thường xuyên được kiểm tra, đánh giá lại năng lực và trình độ chuyên môn để kịp thời đào tạo, tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

Quá trình hội nhập quốc tế: Kinh tế luôn là gốc rễ của các vấn đề trong xã hội. Trong hoạt động quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp cũng chịu sự chi phối, ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế.

Trình độ dân trí, thái độ chính trị của người dân: trình độ dân trí cao, quan tâm đến đời sống chính trị, thái độ chính trị tích cực của người dân là một phương thức thực hiện việc giám sát thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức một kênh phản biện quá trình quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

Trách nhiệm của cơ quan tham mưu, quản lý trực tiếp về lý lịch tư pháp: đây là cơ quan trực tiếp tham mưu thực hiện pháp luật quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp. Vì vậy, sự hoạt động tích cực, trong sạch, hiệu quả, có tính mới, tính sáng tạo của cơ quan này có ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình quản lý nhà nước đối về lý lịch tư pháp.

Trên đây là năm yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp. Tác giả cho rằng mỗi yếu tố nêu trên tùy từng hoàn cảnh, điều kiện, thời điểm khác nhau mà ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp. Do vậy, chúng ta phải biết vận dụng linh hoạt trong việc đề xuất giải pháp quản lý để phát huy sự tác động tích cực của các nhân tố và hạn chế được ảnh hưởng tiêu cực của các nhân tố nêu trên.

Kết luận chương 1

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của các quan hệ xã hội trong nền kinh tế thị trường, cũng như việc mở rộng quyền dân chủ của cá nhân trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, Lý lịch tư pháp ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong đời sống dân sự của công dân, cũng như trong quản lý nhân sự và hỗ trợ hoạt động tổ tụng hình sự. Luật Lý lịch tư pháp ra đời cùng với các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp. Luật đã xác lập những nguyên tắc, nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, tạo cơ sở pháp lý có hiệu lực cao để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp ngày càng tăng của công dân, bảo đảm phù hợp với tiến trình cải cách tư pháp, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại và hội nhập quốc tế.

Việc nghiên cứu cơ sở lý luận và pháp luật đối với quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, cũng như phân tích những nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trong Chương I của Luận văn có vai trò quan trọng, làm nền tảng phân tích đánh giá thực trạng cũng như đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, góp phần đưa công tác này ngày càng đi vào nền nếp, tăng cường hiệu quả quản lý, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới trong giai đoạn hiện nay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của thành phố Hồ Chí Minh

2.1.1. Về điều kiện tự nhiên

Thành phố Hồ Chí Minh có toạ độ 10°10' – 10°38' Bắc và 106°22' – 106°54' Đông, phía Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh, Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Nai, Đông Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây và Tây Nam giáp tỉnh Long An và Tiền Giang. Nằm ở miền Nam Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh cách Hà Nội 1.730 km theo đường bộ, trung tâm thành phố cách bờ biển Đông 50 km theo đường chim bay. Với vị trí tâm điểm của khu vực Đông Nam Á, Thành phố Hồ Chí Minh là một đầu mối giao thông quan trọng về cả đường bộ, đường thủy và đường không, nối liền các tỉnh trong vùng và còn là một cửa ngõ quốc tế.

2.1.2. Về điều kiện xã hội

Về dân số: Là thành phố lớn nhất miền Nam Việt Nam, là trung tâm kinh tế cả nước, thành phố Hồ Chí Minh có dân số 8.426.300 người (số liệu 2016).

Về văn hóa xã hội: Trải qua hàng trăm năm biến động thăng trầm của lịch sử, có thể nói văn hoá cả thế giới như hội tụ lại dưới vòm trời Sài Gòn – thành phố Hồ Chí Minh khiến thành phố này có một bộ mặt văn hoá đa dạng và nhiều sắc thái. Thành phố Hồ Chí Minh "vùng đất lành chim đậu" không mang tính kỳ thị, nơi hội tụ dân cư của cả nước và nhiều sắc dân trên thế giới đã tiếp nhận, chắt lọc, hấp thụ tinh hoa văn hoá nhân loại từ Đông sang Tây, từ khối các nước xã hội chủ nghĩa cho đến khối các nước tư bản chủ nghĩa. .

2.1.3. Về đơn vị hành chính

Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay là một trong 5 thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam. Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay bao gồm 19 quận và 5 huyện, tổng diện tích 2.095,06 km². Trong đó có 322 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 259 phường, 58 xã và 5 thị trấn.

2.1.4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

Trong dòng chảy lịch sử vĩ đại của dân tộc, TP Hồ Chí Minh giữ vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng. Chặng đường hơn 40 năm xây dựng, phát triển và hội nhập của thành phố mang tên Bác đã khơi dậy và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân và tinh thần "vì cả nước, cùng cả nước". Với truyền thống năng động sáng tạo, bám sát thực tiễn, gắn bó máu thịt với nhân dân, vì nhân dân, dựa vào nhân dân, nhờ lòng dân và sức dân, với bản lĩnh, trí tuệ và nhạy bén nắm bắt cơ hội, đẩy lùi khó khăn, vượt qua thách thức, TP Hồ Chí Minh đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; ngày càng khẳng định vai trò là đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ của cả nước, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, là đầu tàu, động lực, có sức thu hút và sức lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía nam, có vị trí chính trị - kinh tế - xã hội quan trọng của cả nước. Kinh tế thành phố luôn duy trì tăng trưởng ở mức cao trong nhiều năm liên tục. Nếu trước thời kỳ đổi mới, trong 10 năm (1976 - 1985), tổng sản phẩm nội địa (GDP) của thành phố chỉ tăng bình quân 2,7%/năm, thì trong giai đoạn 1991-2010, thành phố là một trong rất ít địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hai con số trong suốt 20 năm. Từ năm 2011 đến nay, thành phố cũng đạt mức tăng trưởng kinh tế xấp xỉ 10%/năm, gấp 1,6 lần mức bình quân chung của cả nước. GDP bình quân đầu người liên tục tăng nhanh, từ khoảng 700 USD giai đoạn 1995-1996, đến năm

2014 đã đạt mức 5.131 USD. Quy mô kinh tế, tiềm lực và sự đóng góp cho cả nước ngày càng lớn. Đến nay, thành phố đã đóng góp khoảng 1/3 giá trị sản xuất công nghiệp, 1/5 kim ngạch xuất khẩu và 1/5 quy mô kinh tế của cả nước; đóng góp 30% trong tổng thu ngân sách quốc gia. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hiện nay, thành phố có quan hệ hợp tác hữu nghị với khá nhiều thành phố của các quốc gia trên thế giới. Đây là điều kiện vô cùng thuận lợi để thành phố hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng. Trong điều kiện nền kinh tế hội nhập, người dân thành phố tham gia ngày càng nhiều vào các quan hệ pháp luật trong nước cũng như nước ngoài mà quy định trong hồ sơ cá nhân phải có Phiếu lý lịch tư pháp. Do đó, quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp luôn nhận được sự quan tâm của thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Tổ chức quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Theo Quyết định số 2369/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Xây dựng Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia và kiện toàn tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp*”, Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia được xác định là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tư pháp, có chức năng xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi cả nước. Sở Tư pháp là cơ quan vừa thực hiện chức năng xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đồng thời, là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp tại địa phương. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng tại Sở Tư pháp bao gồm các thông tin lý lịch tư pháp của người có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp tại địa phương, các

Sở Tư pháp sử dụng tổ chức hiện có của Sở là Phòng Hành chính tư pháp. Riêng đối với Sở Tư pháp của 05 thành phố trực thuộc trung ương: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ được phép thành lập thêm Phòng Lý lịch tư pháp.

Trên cơ sở quy định của Luật Lý lịch tư pháp, các văn bản hướng dẫn thi hành, được sự cho phép của Ủy ban nhân dân thành phố, việc kiện toàn tổ chức, nhân lực làm công tác lý lịch tư pháp được xây dựng trên cơ sở Quyết định 1736/QĐ- UBND ngày 19/4/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố, Phòng Lý lịch tư pháp thuộc Sở Tư pháp thành được thành lập ngày 22/6/2010. Theo đó, Phòng lý lịch tư pháp là phòng chuyên môn thuộc Sở, thực hiện nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc Sở Tư pháp xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, cấp Phiếu lý lịch tư pháp, quản lý nhà nước về công tác lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao. Trên cơ sở phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tư pháp Thành phố được giao 13 biên chế đúng với tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2369/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2010. Sau khi kiện toàn tổ chức bộ máy, đến nay Phòng Lý lịch tư pháp đã có 11/13 biên chế làm việc (gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và 08 chuyên viên) [7, tr. 144]. Đội ngũ cán bộ, công chức đều có chuyên môn, nghiệp vụ từ trình độ đại học trở lên, được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và bồi dưỡng quản lý nhà nước. Tuy nhiên, với số lượng thông tin gửi về Sở Tư pháp ngày càng nhiều, việc phân bổ biên chế của Sở Tư pháp cho công tác lý lịch tư pháp như hiện nay sẽ không đáp ứng được công việc lập, cập nhật thông tin đối với những đương sự có án tích và cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 02/CT-BTP ngày 09/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về tăng cường xây dựng quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Ủy ban nhân dân

Thành phố đã có chỉ đạo kịp thời cho Sở Tư pháp tập trung giải quyết dứt điểm số lượng thông tin lý lịch tư pháp còn tồn đọng, tăng cường xây dựng, nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Ủy ban nhân dân thành phố có công văn số 840/UBND-PCNC phê duyệt Đề án “*Hợp đồng lao động nhập liệu thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp*” chấp thuận cho Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh sử dụng lao động hợp đồng để khắc phục tình trạng tồn đọng trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu và cấp phiếu lý lịch tư pháp. Sở Tư pháp đã thực hiện tuyển dụng nhân viên hợp đồng, mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm và thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ lập lý lịch tư pháp cho 39 nhân viên hợp đồng (có trình độ cử nhân luật) làm công việc nhập dữ liệu lý lịch tư pháp, giải quyết tình trạng tồn đọng trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu và cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp đã đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cho công tác xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp như: 52 bộ máy vi tính, 01 máy phô tô, 18 máy in, 01 máy scan tốc độ cao.

Việc quản lý hồ sơ lý lịch tư pháp được đưa vào kho lưu trữ hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy với diện tích 64m², được bố trí riêng biệt với 20 tủ hồ sơ có thể chứa 60.000 hồ sơ. Hồ sơ được sắp xếp gọn gàng, khoa học, đáp ứng được công tác lưu trữ, phòng cháy và chữa cháy, phục vụ tốt công tác khai thác, tìm kiếm sử dụng.

Từ ngày 01/07/2015, Sở Tư pháp đã chính thức triển khai thực hiện việc nhập cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp còn tồn đọng từ năm 2010 cho đến 30/9/2014 (chốt theo số liệu Đề án). Tính đến ngày 31/12/2015, Sở Tư pháp Thành phố đã xử lý 63.493 văn bản (Lập Lý lịch tư pháp 13.397 hồ sơ, Cập

nhật bổ sung 11.382 văn bản, phân loại và nhập thông tin cải chính hộ tịch, giấy chứng tử 38.714 văn bản) trên tổng số 101.902 văn bản còn tồn đọng. Từ 01/01/2016 đến 15/3/2016 lập cơ sở dữ liệu 8.056 văn bản (lập lý lịch tư pháp 559 văn bản trên cơ sở Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá do Trung tâm LLTPQG cung cấp); cập nhật, bổ sung thông tin lý lịch tư pháp 7.497 văn bản [7, tr. 144].

2.3. Thực trạng quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1. Những kết quả đạt được trong công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

Luật Lý lịch tư pháp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII thông qua tại kỳ họp thứ 5 ngày 17 tháng 6 năm 2009 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2010. Triển khai thực hiện Luật Lý lịch Tư pháp, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành nhiều văn bản để tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo Luật lý lịch tư pháp đi vào cuộc sống.

**** Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về Lý lịch tư pháp:***

Việc tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về lý lịch tư pháp được chú trọng triển khai ngay khi Luật Lý lịch tư pháp được Quốc hội thông qua và thực hiện dưới nhiều hình thức, qua đó nâng cao được nhận thức của lãnh đạo các Sở, ngành cũng như nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, cấp Phiếu lý lịch tư pháp và phối hợp tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

**** Công tác cải cách thủ tục, hành chính:***

Với đặc thù là một đô thị lớn, tập trung đông dân cư, thành phố Hồ Chí Minh là địa phương đã tiếp nhận và giải quyết lượng hồ sơ cấp Phiếu lý lịch tư pháp khá lớn. Tại Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh mọi thủ tục liên quan đến việc cấp Phiếu LLTP được niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, trên cổng thông tin điện tử, dịch vụ kiểm tra kết quả bằng tin nhắn điện thoại.... Mọi phản ánh, kiến nghị của người dân về thủ tục cấp Phiếu LLTP sẽ được tiếp nhận và giải quyết tại nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc qua số điện thoại đường dây nóng được niêm yết công khai của Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính.

Sở Tư pháp đã chủ động ban hành quy trình, thủ tục tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp như: Quyết định số 237/QĐ-STP ngày 30/05/2012 của Sở Tư pháp về việc ban hành quy trình tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; Quyết định số 09/QĐ-STP ngày 05/01/2013 của Sở Tư pháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy trình tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; Quyết định số 443/QĐ-STP ngày 14/09/2015 của Sở Tư pháp về việc ban hành quy trình tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

Việc ban hành và áp dụng quy trình được tiến hành nghiêm túc từ Bộ phận “một cửa” - Tiếp nhận và Trả kết quả (thuộc Văn phòng Sở) đến Phòng Lý lịch tư pháp một cách thuận lợi và thông suốt góp phần nâng cao hiệu quả công tác cấp Phiếu LLTP của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh. Sở Tư pháp Thành phố đã nghiên cứu, mạnh dạn đưa ra một số giải pháp khả thi để phục vụ nhu cầu của người dân ngày càng tốt hơn. Cụ thể như sau:

Trả kết quả hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua bưu điện:

Trung bình, mỗi ngày Sở Tư pháp tiếp nhận 200 yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (có thời điểm 300 - 500 hồ sơ ngày) và thực hiện trả kết quả tương đương với số lượng hồ sơ tiếp nhận. Thực tế, người dân đến nộp hồ sơ

và nhận kết quả tại Sở Tư pháp quá đông trong khi năng lực giải quyết của Sở Tư pháp là có hạn, đôi khi quá tải dẫn đến chen lấn đông người. Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc lựa chọn các dịch vụ, đồng thời giảm lượng người đến giao dịch trực tiếp, Sở Tư pháp đã triển khai dịch vụ chuyển phát kết quả giải quyết hồ sơ lý lịch tư pháp đến địa chỉ của người dân qua bưu điện. Dịch vụ này đáp ứng nhu cầu của người dân, giảm lượng khách đến trực tiếp tại trụ sở cơ quan, chưa xảy ra trường hợp khiếu nại liên quan đến đời tư cá nhân.

Việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua bưu điện cho người Việt Nam đang ở nước ngoài:

Thực hiện quy định cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cho cá nhân trên thực tế gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Cụ thể là các trường hợp học sinh, sinh viên, công dân Việt Nam đang làm việc, định cư ở nước ngoài gặp khó khăn khi có nhu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 do họ không thể có mặt trực tiếp nộp hồ sơ yêu cầu theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp. Trước tình hình này, để tháo gỡ tình hình vướng mắc, giải tỏa nhu cầu bức xúc của công dân, căn cứ Quyết định 338/QĐ – TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “ *Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030*” đưa ra mục tiêu phát triển lý lịch tư pháp giai đoạn 2013 -2015: “ *Bảo đảm thuận lợi cho cá nhân, cơ quan tổ chức khi có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp; Triển khai thí điểm việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua bưu điện, qua mạng – cấp độ 3 của dịch vụ hành chính công trực tuyến (gửi yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua mạng)*”. Sở Tư pháp Thành phố đã mạnh dạn giải quyết cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 qua bưu điện cho công dân. Người có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tiếp thực hiện thủ tục, nộp lệ phí đầy đủ, Phiếu lý lịch tư pháp được chuyển đến tận tay người yêu cầu, đảm bảo bí mật đời tư; giải quyết nhu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 của công dân Việt

Nam đang học tập, làm việc và sinh sống ở nước ngoài, nhận được sự đồng tình ủng hộ của người dân.

Việc triển khai thực hiện thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến

Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị được chọn làm thí điểm thực hiện Đề án và Quyết định 1051/QĐ-BTP ngày của Bộ Tư pháp về Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án. Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Sở Tư pháp xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án của Bộ Tư pháp và tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 5076/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 triển khai thực hiện Đề án tại Thành phố với phương thức mới áp dụng cho việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả Phiếu lý lịch tư pháp qua bưu chính và đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến đã tạo điều kiện cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức có thêm lựa chọn khi có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp; giúp công dân tiết kiệm thời gian, công sức và tiền bạc, đảm bảo bí mật đời tư của cá nhân; giảm tải số lượng công dân trực tiếp đến Sở Tư pháp yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công trong cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn Thành phố. Đề án thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến được triển khai thực hiện tại Sở Tư pháp Thành phố cuối tháng 9/2016, tính đến nay đã tiếp nhận 229 hồ sơ lý lịch tư pháp trực tuyến và chuyển phát thành công 4.417 hồ sơ đến người có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp [7, tr. 145].

**** Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.***

Sở Tư pháp đã ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác bằng phần mềm riêng của Sở Tư pháp đã sử dụng từ năm 2000. Qua nâng cấp nhiều lần chương trình phần mềm của Sở đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu công việc tại

địa phương và cũng đáp ứng các tiêu chí trong việc tiếp nhận thông tin, lập lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thống kê báo cáo... nhất là công tác tra cứu hồ sơ cấp phiếu lý lịch tư pháp. Với công tác cấp phiếu lý lịch tư pháp, chương trình phần mềm của Sở Tư pháp đã tự động lọc ra được các trường hợp đã xin cấp phiếu lý lịch tư pháp nhiều lần (trước và sau ngày Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực). Vì vậy, mục đích của công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp đã phát huy tác dụng, thể hiện đúng mục đích của Luật Lý lịch tư pháp giúp công tác tra cứu hồ sơ cấp phiếu lý lịch tư pháp cho người dân ngày càng được thuận lợi hơn. Mặt khác, từ năm 2012 chương trình phần mềm của Sở còn kết nối với Tổng đài Bưu chính viễn thông để nhắn tin đến điện thoại để người dân biết kết quả giải quyết hồ sơ lý lịch tư pháp; biết được hồ sơ của mình đang được giải quyết ở giai đoạn nào. Việc nhắn tin qua điện thoại này đã thay thế hình thức thông tin bằng Thư mời, Thư báo cho người dân kịp thời, nhanh chóng [7, tr. 146].

Từ tháng 9/2013 đến nay, Sở Tư pháp đã tạm ngưng sử dụng phần mềm của Sở; đồng thời bắt đầu sử dụng phần mềm dùng chung của Cục Công nghệ thông tin - Bộ Tư pháp để nhập thông tin lý lịch tư pháp (nhập thông tin ngăn chặn, lập, cập nhật, bổ sung lý lịch tư pháp).

Trong quá trình chạy thử nghiệm, Sở Tư pháp đã tập hợp một số kiến nghị, góp ý chỉnh sửa, bổ sung phần mềm cho công tác tiếp nhận, xử lý, cấp Phiếu lý lịch tư pháp; chủ động trao đổi với Cục Công nghệ thông tin - Bộ Tư pháp hỗ trợ, bổ sung các tính năng, tiện ích của các phần mềm hiện có phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Ngày 11/02/2015, Sở Tư pháp triển khai phần mềm công tác tiếp nhận, xử lý, cấp Phiếu lý lịch tư pháp của Cục Công nghệ thông tin - Bộ Tư pháp và bước đầu, phần mềm đã đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác lý lịch tư pháp ngày càng có hiệu quả, phục vụ quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư

pháp, đặc biệt là ứng dụng giải pháp “Kiềng ba chân” và triển khai “Đề án thí điểm cấp Phiếu LLTP qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu LLTP trực tuyến” đã tạo điều kiện cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức có thêm sự lựa chọn khi có yêu cầu cấp Phiếu LLTP, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí, được người dân đồng tình ủng hộ.

**** Công tác phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp giữa Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan trên địa bàn Thành phố***

Các Cơ quan Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự đã chủ động, tích cực có văn bản chỉ đạo các đơn vị trực thuộc cung cấp và trực tiếp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp theo quy định.

Công tác phối hợp xác minh thông tin lý lịch tư pháp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp giữa các ngành, nhất là giữa Sở Tư pháp với Công an thành phố về cơ bản đáp ứng yêu cầu của người dân.

Sở Tư pháp đã chủ động làm việc trực tiếp với Lãnh đạo Tòa án nhân dân Thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố, Công an Thành phố (PC53), Cục Thi hành án dân sự Thành phố để thống nhất cách thức thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

Tính đến ngày 30/6/2017, Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp 82.850 thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp, trong đó cung cấp 39.800 bản án, trích lục bản án, 43.050 quyết định thi hành án, giấy chứng nhận, quyết định tuyên bố phá sản.

Tính đến 30/6/2017, cơ quan Công an đã trả lời 192.143 yêu cầu tra cứu của Sở Tư pháp.

Nhìn chung, công tác phối hợp giữa Sở Tư pháp với các ngành có liên quan tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, vẫn đề chậm trễ trả lời kết quả xác minh

cho Sở Tư pháp ở các ngành hiện nay vẫn tồn tại. Xuất phát từ yếu tố khách quan và sự thụ động từ các cán bộ làm công tác này tại các cơ quan, đơn vị do nhận thức đây là công việc chính của Sở Tư pháp, các cơ quan có liên quan chỉ đóng vai trò phối hợp, hỗ trợ. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự bức xúc của người dân do phải chờ đợi lâu mới được cấp phiếu lý lịch tư pháp [7, tr. 147].

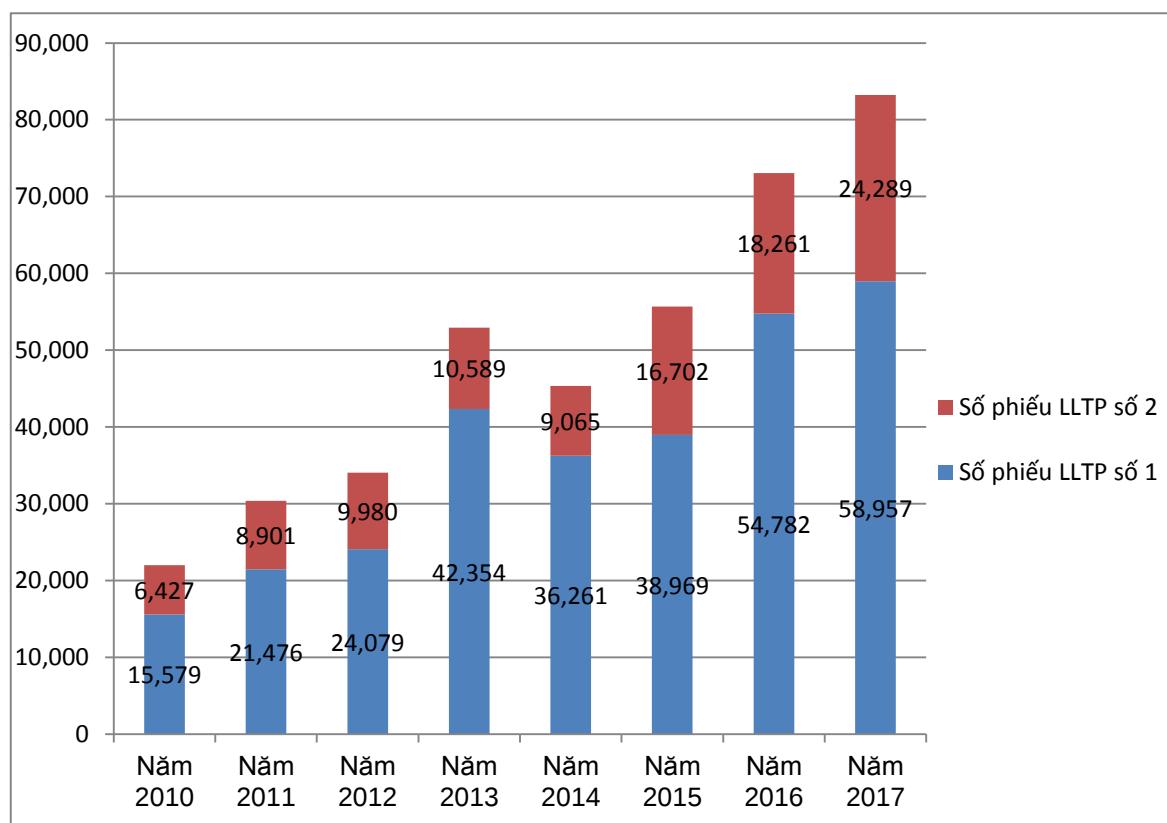
**** Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp***

Công tác xây dựng Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được quan tâm, chú trọng thực hiện. Với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được tạo lập (dữ liệu điện tử và giấy), Sở Tư pháp đã bước đầu chủ động trong công tác tra cứu thông tin, phục vụ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của công dân; hạn chế dần tình trạng phụ thuộc và chờ kết quả tra cứu, xác minh từ các cơ quan khác, nhất là các trường hợp đã được cấp Phiếu nhiều lần.

Sau hơn 07 năm tổ chức thực hiện Luật Lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp Thành phố đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Cụ thể: lập và bổ sung thông tin lý lịch tư pháp 61.332 lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật (trong đó đã cung cấp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia 45.243 lý lịch tư pháp; lập 5.709 lý lịch tư pháp đối với bị cáo thường trú các tỉnh nhưng tạm trú tại thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ công tác cấp phiếu lý lịch tư pháp; cung cấp 10.380 thông tin lý lịch tư pháp cho các tỉnh/thành để lập lý lịch tư pháp theo thẩm quyền. Với cơ sở dữ liệu này, Sở Tư pháp đã bước đầu chủ động trong công tác tra cứu phục vụ cho việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của công dân; hạn chế tình trạng phụ thuộc và chờ kết quả tra cứu, xác minh từ các cơ quan khác, nhất là các trường hợp đã được cấp Phiếu Lý lịch tư pháp nhiều lần [7, tr. 148].

**** Công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp***

Công tác cấp Phiếu LLTP cơ bản đáp ứng yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức, từng bước được cải cách thủ tục, đơn giản hoá và thuận tiện hơn. Sở Tư pháp đã chủ động ban hành quy trình, thủ tục tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp; ban hành quy trình tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Với đặc thù là một đô thị lớn, tập trung đông dân cư, thành phố Hồ Chí Minh là địa phương đã tiếp nhận và giải quyết lượng hồ sơ cấp Phiếu lý lịch tư pháp khá lớn. Sau 07 năm hoạt động, Sở Tư pháp đã cấp 398.463 Phiếu lý lịch tư pháp (năm 2010: 22.006 Phiếu (01/7 đến 31/12/2010); năm 2011: 30.377 Phiếu; năm 2012: 34.059 Phiếu; năm 2013: 52.943; năm 2014: 45.326 Phiếu; năm 2015: 55.671 Phiếu; năm 2016: 73.043 Phiếu; năm 2017: 83.276 Phiếu) [22, tr. 9].



Nguồn: Báo cáo tổng kết 07 năm thi hành luật LLTP của Sở Tư pháp Tp Hồ Chí Minh

2.3.2. Những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

*** Trong công tác xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lý lịch tư pháp**

Thứ nhất, việc xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật còn chậm so với yêu cầu, có văn bản sau 02 năm Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực mới được ban hành dẫn đến việc khó khăn trong công tác tham mưu, đề xuất với Lãnh đạo thành phố trong việc ban hành các văn bản liên quan nhằm triển khai thực hiện Luật Lý lịch tư pháp tại địa phương.

Thứ hai, giữa Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật còn chưa có sự thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật khác có liên quan. Việc Tòa án triển khai các nhiệm vụ liên quan đến lý lịch tư pháp theo các văn bản pháp luật về lý lịch tư pháp, đặc biệt Thông tư liên tịch số 04 còn gặp một số khó khăn, vướng mắc:

- Quy định về Tòa án gửi bản án hình sự sơ thẩm và bản án hình sự phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm giữa Luật Lý lịch tư pháp và Thông tư liên tịch số 04 là chưa có sự thống nhất. Tại khoản 1 Điều 16 Luật Lý lịch tư pháp quy định: “*Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có nhiệm vụ gửi cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở các văn bản sau đây:*

a) Trích lục bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, trích lục bản án hình sự phúc thẩm;

b) Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm về hình sự;

... ”

Trong khi đó, Điều 13 Thông tư liên tịch số 04 lại quy định: “*Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án gửi cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở trích lục*

bản án hình sự hoặc bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật; trường hợp vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án đã xét xử phúc thẩm cung cấp bản án phúc thẩm kèm theo bản án sơ thẩm cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở.

Trường hợp bản án, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật được xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ gửi quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở”.

Như vậy, theo quy định nêu trên của Luật lý lịch tư pháp thì Tòa án cần gửi cho Sở Tư pháp trích lục bản án hình sự, trong khi đó theo quy định nêu trên của Thông tư liên tịch số 04 thì Tòa án có thể gửi cho Sở Tư pháp bản án hình sự. Do Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực pháp lý cao hơn Thông tư liên tịch nên xảy ra tình trạng khi thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư liên tịch số 04 thì Sở Tư pháp một số địa phương không nhận bản án do Tòa án đã xét xử sơ thẩm, Tòa án đã xét xử phúc thẩm gửi, mà chỉ nhận trích lục bản án. Trong khi đó, Tòa án cấp sơ thẩm không có thẩm quyền trích lục bản án hình sự phúc thẩm, mà chỉ có thể gửi bản sao y bản chính bản án phúc thẩm.

- Mẫu trích lục bản án hình sự ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04 và mẫu trích lục bản án hình sự ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 04/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 không thống nhất nhau nên không có một số thông tin như: Quốc tịch, dân tộc, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu. Do đó, khi trích lục bản án hình sự không thể có những thông tin như nêu trên để cung cấp cho Sở Tư pháp.

**** Trong công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế***

Thứ nhất, tổ chức bộ máy, biên chế nhân sự làm công tác lý lịch tư pháp chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Cũng như các Sở Tư pháp khác, đội ngũ cán bộ làm công tác lý lịch tư pháp của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh chưa đáp ứng được với khối lượng công việc hiện tại. Tại các cơ quan Tòa án, Kiểm sát, Quốc phòng... chưa có cán bộ chuyên trách làm nhiệm vụ phối hợp tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin nên việc thực hiện nhiệm vụ còn nhiều lúng túng.

Thứ hai, chất lượng của đội ngũ công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp chưa chuyên nghiệp, chưa có trình độ chuyên môn sâu do chưa được đào tạo bài bản về chuyên môn nghiệp vụ lý lịch tư pháp. Công tác đào tạo nghiệp vụ lý lịch tư pháp thời gian qua còn gặp nhiều khó khăn, chương trình, nội dung đào tạo chưa bài bản, chuyên nghiệp; đội ngũ giảng viên cũng chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về công tác này, đặc biệt là về nghiệp vụ xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

**** Công tác phối hợp giữa các cơ quan có liên quan***

Thứ nhất, việc bố trí cán bộ làm nhiệm vụ tra cứu, xác minh, trao đổi cung cấp thông tin tại các cơ quan có liên quan còn nhiều hạn chế. Hiện nay, bộ phận đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại các cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin chưa được quan tâm, bố trí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 04. Công chức làm nhiệm vụ cung cấp, tra cứu, xác minh thông tin tại các Bộ, ngành có liên quan đều thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm nên đã ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

Thứ hai, Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đã quy định rất cụ thể nhiệm vụ của các cơ quan liên quan trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp nhưng chưa có cơ chế đảm bảo thực

hiện nhiệm vụ. Do vậy, công tác phối hợp giữa Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh với các cơ quan nhiều lúc chưa được thực hiện đúng theo tinh thần của Luật Lý lịch tư pháp, Nghị định số 111/2010/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP, cụ thể một số Tòa án, Chi cục Thi hành án dân sự... chưa gửi hoặc chậm gửi thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh. Hay việc gửi thông tin lý lịch tư pháp của một số Sở Tư pháp khác gửi cho Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh thông qua phần mềm lý lịch tư pháp dùng chung cũng chỉ có số văn bản, tên văn bản và cơ quan ra văn bản, còn nội dung thì không có và không gửi văn bản giấy theo quy định cho Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh. Đặc biệt, việc cung cấp các thông tin lý lịch tư pháp của công an cấp huyện như giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ, án phạt cấm cư trú, quản chế, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ...

Thứ ba, việc thực hiện Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP tại thành phố Hồ Chí Minh còn hạn chế do thành phố Hồ Chí Minh chưa ban hành được Quy chế phối hợp về trình tự, thủ tục trong việc cung cấp, xác minh, trao đổi, tra cứu thông tin lý lịch tư pháp, do đó chưa có sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan có liên quan. Tòa án nhân dân các cấp chủ yếu cung cấp thông tin các bản án, trích lục bản án hình sự, một số ít các quyết định khác liên quan đến bản án, đặc biệt là các thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản thì Tòa án nhân dân chưa cung cấp cho Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh.

**** Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp***

Thứ nhất, Luật Lý lịch tư pháp đã đặt ra các chế định có hiệu lực, tính pháp lý cao, là cơ sở cho việc tổ chức, xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, cũng như các Sở Tư pháp khác, tại Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp vẫn gặp nhiều khó khăn, lúng túng từ mặt lý luận tới kinh nghiệm thực tiễn; từ định hướng, khái quát về quy mô, cấu trúc cơ sở dữ liệu cho tới việc tổ chức thực hiện do đây là công tác mới.

Thứ hai, việc tiếp nhận và xử lý thông tin lý lịch tư pháp được thực hiện liên tục, thường xuyên với số lượng thông tin về án tích từ các cơ quan Tòa án, Thi hành án dân sự, các Sở Tư pháp... nhiều nhưng thông tin của người bị kết án gửi đến từ các cơ quan này không đầy đủ nên ảnh hưởng một phần không nhỏ đến việc tiếp nhận và xử lý thông tin như: Sở Tư pháp tiếp nhận được một bản án hình sự có hiệu lực pháp luật nhưng không có thông tin về tình trạng thi hành bản án hình sự cũng như thông tin về án phí... hay có thông tin về bản án hình sự sơ thẩm nhưng bị kháng cáo, kháng nghị mà không có thông tin về bản án hình sự phúc thẩm...

Thứ ba, mô hình cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hai cấp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và tại các Sở Tư pháp đã bắt đầu bộc lộ những bất cập do thông tin lý lịch tư pháp phải thường xuyên trao đổi giữa các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ở trung ương và địa phương, nên mất nhiều chi phí và thời gian. Mô hình này cũng khó bảo đảm yêu cầu về tính chính xác và đồng bộ của dữ liệu do có quá nhiều đầu mối tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin.

**** Công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp***

Thứ nhất, mặc dù Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực từ ngày 01/7/2010 quy định thời hạn cấp Phiếu Lý lịch tư pháp không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ (trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước

ngoài, người nước ngoài...; trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích theo quy định... thì thời hạn không quá 15 ngày). Đây là bước cải tiến lớn về thời hạn cấp phiếu so với quy định cũ, tuy nhiên trên thực tế việc cấp Phiếu Lý lịch tư pháp vẫn còn chậm so với yêu cầu đề ra do công tác phối hợp trong tra cứu, xác minh thông tin phục vụ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp chưa nhịp nhàng; nhiều trường hợp công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài hay người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên xóa án tích, nên công tác tra cứu, xác minh thông tin rất phức tạp vì vậy khó đảm bảo được thời gian theo luật định.

Thứ hai, việc lạm dụng quy định của Luật Lý lịch tư pháp để yêu cầu công dân xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 vẫn đang diễn ra. Phiếu Lý lịch tư pháp số 2 là loại phiếu mà bên cạnh nội dung xác nhận thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, nội dung xác nhận tình trạng án tích ghi nhận cả án tích đã được xóa, án tích chưa được xóa. Do đó, Luật Lý lịch tư pháp đã quy định Phiếu lý lịch tư pháp số 2 được cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng để phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và cấp cho cá nhân để họ biết được về Lý lịch tư pháp của mình (Điều 7, Điều 41). Tuy nhiên, trên thực tiễn hiện nay, cơ quan đại diện ngoại giao của một số nước như Hoa Kỳ, Canada, New Zealand, Úc... đã yêu cầu công dân Việt Nam, người nước ngoài có thời gian cư trú tại Việt Nam nộp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 để làm thủ tục xin thị thực nhập cảnh vào nước của họ và đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc cá nhân sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp số 2 không đúng mục đích và gây ra một số khó khăn cho công dân, cụ thể:

Việc công dân Việt Nam phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 để làm các thủ tục liên quan đến cấp thị thực nhập cảnh theo yêu cầu của một số cơ quan

đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam là không phù hợp với quy định của Luật Lý lịch tư pháp về mục đích sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp số 2.

Trong trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 đã từng bị kết án, thì trong Phiếu lý lịch tư pháp số 2 của họ phải ghi đầy đủ thông tin về án tích, bao gồm cả những án tích đã được xóa. Điều này gây bất lợi cho công dân và ảnh hưởng tới chính sách tái hòa nhập cộng đồng của pháp luật hình sự Việt Nam.

Trường hợp cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 thì không được ủy quyền cho người khác làm thủ tục cấp phiếu, ngay cả với trường hợp quan hệ giữa những người này là cha, mẹ, vợ, chồng, con. Vì vậy, để được cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2, cá nhân phải trực tiếp nộp hồ sơ yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp đã thực sự gây khó khăn cho những cá nhân đang học tập, làm việc tại nước ngoài.

Thứ ba, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động xây dựng quản lý, lưu trữ, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp còn hạn chế và chưa thống nhất, đồng bộ giữa các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý lý lịch tư pháp còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu. Tiến độ hoàn thiện Phần mềm quản lý lý lịch tư pháp dùng chung cũng chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

**** Hạn chế, bất cập trong việc tổ chức, thực hiện.***

Việc phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích cũng gặp nhiều khó khăn nhất định. Luật Lý lịch tư pháp đã quy định nhiệm vụ của Sở Tư pháp trong việc cập nhật thông tin xóa án tích để phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp (Điều 33) và xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích khi cấp Phiếu lý lịch tư pháp (Điều 44). Để

bảo đảm tính chính xác khi cập nhật thông tin lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp, Nghị định 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp đã quy định quan hệ phối hợp giữa Sở Tư pháp với các cơ quan có liên quan trong việc xác minh. Về việc này, Luật Lý lịch tư pháp chưa quy định rõ ràng cụ thể trách nhiệm của Sở trong việc xác minh điều kiện xóa án tích đương nhiên. Trên thực tế, Sở Tư pháp gặp nhiều trường hợp người dân khi nộp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp không khai rõ về tình trạng án tích của bản thân; sau khi Sở Tư pháp gửi xác minh, cơ quan Công an thông báo kết quả xác minh mới biết có án tích. Sở Tư pháp thông báo kết quả xác minh thì phía người dân không hợp tác và không cung cấp giấy tờ, chứng từ để chứng minh kết quả việc thi hành án của mình; đồng thời khiếu nại, khiếu kiện yêu cầu Sở Tư pháp phải tiếp tục xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích để cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Khoản 3 Điều 44 Luật Lý lịch tư pháp về thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp quy định...*Trong trường hợp cần thiết, ... Sở Tư pháp có trách nhiệm xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích khi cấp Phiếu lý lịch tư pháp....*

Theo quy định trên, đến nay Bộ Tư pháp chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể thế nào là “*trong trường hợp cần thiết*”. Về việc này, Sở Tư pháp Thành phố cho rằng “*trong trường hợp cần thiết*” chỉ áp dụng đối với những người bị bệnh nặng không thể đi lại được; người già yếu không trực tiếp liên hệ các cơ quan có thẩm quyền hoặc người nghèo không có điều kiện đi về quê, về nơi cư trú và nơi làm việc trước đây để liên hệ các cơ quan tiến hành tố tụng làm thủ tục xóa án tích. Mặt khác, hiện nay biên chế tại các Sở Tư pháp chưa đủ để có thể thực hiện trách nhiệm này [7, tr. 149].

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2369/QĐ-TTg ngày 28/12/2010, biên chế được giao cho Sở Tư pháp Thành phố thực hiện công tác lý lịch tư pháp là 13 biên chế. Với số lượng công việc về lý lịch tư pháp như hiện nay (lập lý lịch tư pháp trên 30.907 thông tin và cấp trên 211.948 phiếu lý lịch tư pháp) chiếm 1/3 số lượng công việc của cả nước thì số biên chế được giao như vậy là chưa phù hợp. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lý lịch tư pháp chỉ đáp ứng một phần yêu cầu trong việc quản lý, thống kê, báo cáo; những công việc như phân loại thông tin, lập cơ sở dữ liệu, xác minh thông tin... phải trực tiếp thao tác thủ công. Với số lượng thông tin gửi về Sở Tư pháp ngày càng tăng trong điều kiện nhân sự như hiện nay của Sở sẽ không đáp ứng kịp thời cho công tác lý lịch tư pháp, ảnh hưởng đến công tác tra cứu và cấp Phiếu Lý lịch Tư pháp cho người dân. Sở Tư pháp đề nghị cần có phương án giải quyết bổ sung thêm biên chế để đáp ứng nhân sự, giải quyết khối lượng công việc ngày càng tăng.

Công tác thống kê, báo cáo hiện nay còn nhiều bất cập. Cụ thể: việc báo cáo công tác lý lịch tư pháp theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp; báo cáo đánh giá thực hiện thủ tục hành chính (đánh giá ISO); báo cáo định kỳ, đột xuất..., mỗi loại báo cáo có biểu mẫu, cách thức tính số liệu và mốc thời gian khác nhau (báo cáo theo năm công tác từ 01/10 năm trước đến 01/10 năm nay; theo năm làm việc từ 01/01 đến 31/12....). Sở Tư pháp đã đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, thống nhất biểu mẫu báo cáo, cách thức tính số liệu và mốc thời gian tính số liệu và đề thuận tiện cho công tác tổng hợp, thống kê.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

**** Nguyên nhân chủ quan***

Nhận thức của một bộ phận lãnh đạo, cán bộ, công chức về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác lý lịch tư pháp còn hạn chế, chưa hiểu đầy đủ và đánh giá đúng mức vai trò, ý nghĩa của lý lịch tư pháp trong quản lý nhà nước, trong đời sống xã hội và trong hoạt động tổ tụng hình sự.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong phối hợp tra cứu, xác minh thông tin lý lịch tư pháp, phục vụ công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp chưa nhịp nhàng, chưa đi vào nề nếp.

Cán bộ làm công tác lý lịch tư pháp còn thiếu về số lượng và tính chuyên nghiệp. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp hiện nay chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ.

Cơ sở vật chất bảo đảm cho công tác lý lịch tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động xây dựng, quản lý, lưu trữ, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp còn hạn chế, chậm và chưa đồng đều giữa các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Kinh phí và nhân lực để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ mới tại các cơ quan Tòa án, Kiểm sát, Công an, Quốc phòng, Thi hành án dân sự... chưa được bổ sung nên cán bộ làm nhiệm vụ cung cấp thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hiện nay hầu hết là kiêm nhiệm.

**** Nguyên nhân khách quan***

Hoạt động xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là nhiệm vụ hoàn toàn mới đối với ngành Tư pháp, đồng thời là nghiệp vụ rất chuyên sâu, phức tạp, có liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức. Các quy định của pháp luật hiện hành về lý lịch tư pháp mới tạo được khung pháp lý cho hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu, nhưng quy mô, cấu trúc, nguyên tắc vận hành của cơ sở dữ liệu vẫn chưa được xác định một cách rõ ràng, chưa có tiêu chí, căn cứ cụ

thể để kiểm soát và đánh giá chất lượng. Bên cạnh đó, quy định của pháp luật còn tồn tại một số bất cập, chưa phù hợp giữa quy định pháp luật về lý lịch tư pháp và quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự...

Những nội dung cải cách tư pháp liên quan đến hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, cải cách mô hình tổ chức hệ thống tòa án đang trong quá trình hoàn thiện, đã ảnh hưởng đến tổ chức cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Thể chế về tổ chức, hoạt động lý lịch tư pháp vẫn còn một số bất cập, hạn chế như: Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đã được Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành xác định là đơn vị sự nghiệp, không thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Trong khi đó, công tác xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là một trong các nội dung chính yếu, không thể tách rời của công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp. Mô hình tổ chức như trên đã bộc lộ nhiều bất cập, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của công tác này.

Kết luận chương 2

Trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp tại thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả nhất định trên các mặt từ xây dựng thể chế, phối hợp liên ngành trong việc kiểm tra tình hình thực hiện Luật Lý lịch tư pháp đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp còn một số hạn chế như: công tác xây dựng văn bản hướng dẫn triển khai thi hành Luật Lý lịch tư pháp; công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Lý lịch tư pháp; Công tác tổ chức quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp; công tác phối hợp liên ngành; công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch

tư pháp; công tác cấp phiếu lý lịch tư pháp và việc đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên bao gồm cả những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Một số các nguyên nhân chính có thể thấy, đó là nhận thức của một bộ phận lãnh đạo, cán bộ, công chức, kể cả những người làm công tác tư pháp về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác lý lịch tư pháp còn hạn chế, chưa đầy đủ và đúng mức về vai trò, ý nghĩa của lý lịch tư pháp trong quản lý nhà nước, trong đời sống xã hội và trong hoạt động tổ tụng hình sự. Công tác phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong công tác lý lịch tư pháp chưa đi vào nề nếp. Cán bộ làm công tác lý lịch tư pháp còn thiếu về số lượng và tính chuyên nghiệp. Một số nguyên nhân xuất phát từ vấn đề về thể chế. Một số nội dung cải cách tư pháp liên quan đến hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, cải cách mô hình tổ chức hệ thống tòa án đang trong quá trình hoàn thiện, đã ảnh hưởng đến tổ chức cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, ảnh hưởng đến công tác xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Việc phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp của thành phố Hồ Chí Minh là tiền đề quan trọng, khách quan trong việc đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

CHƯƠNG 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP

3.1. Quan điểm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

Trước yêu cầu đẩy mạnh cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền công dân, góp phần vào công cuộc hội nhập quốc tế, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và mục đích quản lý nhà nước về lĩnh vực này, Quốc hội đã thông qua Luật lý lịch tư pháp. Hiện nay, nhận thức của xã hội về ý nghĩa, giá trị của phiếu lý lịch tư pháp cũng ngày càng được nâng lên. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường làm cho các quan hệ xã hội cũng phong phú và đa dạng hơn. Phiếu lý lịch tư pháp được coi là giấy tờ pháp lý quan trọng chứng minh cá nhân có hay không có án tích khi tham gia vào các quan hệ pháp lý, đặc biệt là trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế. Đến nay, có hơn 80 thủ tục hành chính có yêu cầu phiếu lý lịch tư pháp như thủ tục về nuôi con nuôi, quốc tịch, luật sư, quản lý cư trú, tổ chức phi chính phủ, khám chữa bệnh, khoa học và công nghệ, ngành hàng không, chứng khoán, bảo hiểm... Thông qua việc triển khai thi hành Luật lý lịch tư pháp, nhận thức của xã hội về ý nghĩa, giá trị của lý lịch tư pháp ngày càng được nâng lên, qua đó lý lịch tư pháp trở thành công cụ pháp lý quan trọng góp phần bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong việc chứng minh nhân thân tư pháp của mình khi tham gia vào các quan hệ pháp lý, dân sự, bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ. Lý lịch tư pháp cũng phát huy vai trò là công cụ quan trọng hỗ trợ cho các cơ quan nhà nước trong quản lý dân cư, quản lý xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong bối cảnh hiện nay với yêu cầu cao hơn trong quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, với chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng Chính phủ điện tử và đáp ứng

nhu cầu ngày càng cao của xã hội, Luật lý lịch tư pháp đã trở nên bất cập so với hệ thống pháp luật hiện hành, không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó, nhu cầu được cấp phiếu lý lịch tư pháp của nước ta trong những năm qua đã tăng lên một cách đột biến dẫn đến quá tải, tắc nghẽn trong việc tra cứu, xác minh thông tin lý lịch tư pháp làm chậm thời hạn cấp phiếu lý lịch tư pháp cho người dân. Nguyên nhân của thực trạng trên chủ yếu do quy định của Luật lý lịch tư pháp hiện hành; quy định của Luật lý lịch tư pháp liên quan đến hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp còn hạn chế đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác cung cấp, tiếp nhận thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; trình tự, thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp và trách nhiệm trong việc phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp phiếu lý lịch tư pháp còn hạn chế, bất cập, gây khó khăn, trở ngại cho người dân, cũng như cơ quan giải quyết thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp [13, tr. 146-147].

Cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước, đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện, dân trí ngày càng được nâng cao, ý thức pháp luật của người dân sẽ chuyển biến sâu sắc, trong đó có việc nhận thức rõ hơn về vai trò của Phiếu lý lịch tư pháp trong việc chứng minh về nhân thân tư pháp của cá nhân cũng như tạo điều kiện cho người bị kết án trong việc xóa án tích, tái hòa nhập cộng đồng. Có thể thấy, nhu cầu của người dân, cơ quan, tổ chức về việc sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp trong tương lai, đặc biệt là trong hoạt động tổ tụng hình sự được dự báo ngày càng tăng và có ý nghĩa thật sự quan trọng trong quản lý xã hội, trong hoạt động của các cơ quan tư pháp, bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Do đó, quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp ở nước ta hiện nay phải đảm bảo được những quan điểm như sau:

Thứ nhất, quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp phải bảo đảm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phù hợp với tiến trình cải cách tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật, định hướng phát triển ngành Tư pháp và bắt kịp sự phát triển của thế giới; có sự gắn kết với tiến độ thực hiện cải cách hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng; góp phần bảo đảm thực hiện các quyền con người, quyền công dân; nâng cao chất lượng thực thi công vụ và trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Việc triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030, nhất là chủ trương “*Tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp hợp lý, khoa học và hiện đại*” là một trong những nhiệm vụ cần thực hiện trong thời gian tới bảo đảm phát triển hoạt động lý lịch tư pháp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, bám sát yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới. Công tác xây dựng thể chế về lý lịch tư pháp cần tiếp tục phải hoàn thiện, trong đó chú trọng đến việc rà soát, sửa đổi thống nhất các quy định pháp luật có liên quan đến lý lịch tư pháp.

Thứ hai, quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp phải xuất phát từ thực tiễn, đòi hỏi của nền công vụ, yêu cầu quản lý nhà nước và thực trạng đội ngũ công chức, viên chức trực tiếp làm công tác này hiện nay. Pháp luật là công cụ hữu hiệu để quản lý nhà nước và pháp luật cũng xuất phát từ thực tiễn xã hội, điều chỉnh các quan hệ xã hội. Quan điểm quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp cũng vậy, phải có nền tảng từ thực tiễn thì mới có khả năng áp dụng hiệu quả trong thực tiễn. Nếu quan điểm mà xa rời thực tiễn thì không có tính khả thi, không kiểm chứng được trong đời sống xã hội.

Thứ ba, tăng cường quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp phải trên cơ sở kế thừa những thành tựu đạt được trong thực tiễn về tổ chức và quản lý lý lịch

tư pháp những năm qua, đồng thời tham khảo có chọn lọc, vận dụng phù hợp kinh nghiệm của một số nước về quản lý lý lịch tư pháp.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp phải gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp, hướng tới xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp quốc gia tập trung, thống nhất, đáp ứng tốt nhất yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức; xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu quả hướng tới một nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ nhân dân.

Tại Việt Nam, để xây dựng hệ thống dữ liệu lý lịch tư pháp từng bước vững chắc đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài, cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cần được xây dựng theo mô hình tập trung, thống nhất (mô hình cơ sở dữ liệu một cấp). Việc xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo mô hình một cấp sẽ khắc phục được những hạn chế, bất cập của mô hình cơ sở dữ liệu hai cấp, bảo đảm tiết kiệm về chi phí, thời gian, đồng thời cũng hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển chung của hầu hết các nước trên thế giới về tổ chức cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Tại nhiều nước trên thế giới (Pháp, Đức, Bỉ, Thụy Điển, Tây Ban Nha...), cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng, phát triển theo mô hình một cấp.

Thứ năm, bảo đảm công tác quản lý lý lịch tư pháp phải chặt chẽ, nhưng thủ tục giải quyết yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức phải minh bạch, đơn giản, thuận tiện, tôn trọng bí mật đời tư của cá nhân.

Thứ sáu, công tác quản lý lý lịch tư pháp phải có sự gắn kết với hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan Tòa án, Kiểm sát, Công an, Quốc phòng và các hệ thống quản lý dân cư khác; đồng thời phải tạo ra các tiền đề để khai thác các lợi ích của quản lý lý lịch tư pháp phục vụ cho các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan trực tiếp đến cá nhân.

Trên đây là những quan điểm cơ bản khi xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp mà tác giả rút ra được qua quá trình phân tích thực trạng quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

Ngày nay, trong xu hướng hội nhập, toàn cầu hóa, nước ta phát triển nhanh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Điều này dẫn tới hệ thống pháp luật đôi khi không dự liệu hết được những tình huống phát sinh trên thực tế, trở nên lạc hậu hơn so với sự phát triển của xã hội. Pháp luật về lý lịch tư pháp hiện nay cũng như vậy, một số quy định của pháp luật lý lịch tư pháp hiện hành đã không còn phù hợp với thực tiễn. Trước thực trạng đó, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã xây dựng dự thảo, tiến hành lấy ý kiến nhân dân trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật lý lịch tư pháp năm 2009. Sau đây là một số vấn đề bàn luận, đóng góp ý kiến cho việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về lý lịch tư pháp ở nước ta hiện nay:

**** Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật lý lịch tư pháp bảo đảm quyền con người theo Hiến pháp năm 2013, thống nhất, đồng bộ với quy định có liên quan của Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.***

Thứ nhất, thay đổi quy định về đối tượng có quyền yêu cầu cấp phiếu Lý lịch tư pháp số 2:

Quyền yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp được quy định rõ tại Điều 7 Luật lý lịch tư pháp. Theo đó, những chủ thể có quyền yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai quy định này đã

bị lạm dụng, một số cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài đã yêu cầu cá nhân là công dân Việt Nam và người nước ngoài có thời gian cư trú ở Việt Nam phải nộp phiếu Lý lịch tư pháp số 2 khi xin thị thực nhập cảnh hoặc làm một số thủ tục khác tại cơ quan đại diện.

Hiến pháp năm 2013 đề cao quyền con người, trong đó quy định rõ mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được pháp luật bảo đảm an toàn. Theo quy định hiện nay của Luật Lý lịch tư pháp, phiếu Lý lịch tư pháp số 2 thể hiện cả những án tích đã được xóa của người từng bị kết án. Tình trạng này đã ảnh hưởng tới chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự của Nhà nước ta, ảnh hưởng đến việc tái hòa nhập cộng đồng của người bị kết án, đặc biệt là người đã được xóa án tích, gây khó khăn cho cá nhân khi tham gia các quan hệ pháp lý. Vì vậy, cần sửa đổi quy định về chủ thể có quyền yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp số 2, chỉ có các cơ quan tiến hành tố tụng mới có thẩm quyền yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp số 2. Có như vậy mới bảo đảm được tính bảo mật thông tin cá nhân và thực hiện đúng chính sách nhân đạo của Hiến pháp năm 2013.

Thứ hai, thu hẹp đối tượng bị coi là có án tích:

Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi cơ bản chế định xóa án tích theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người bị kết án tái hòa nhập cộng đồng, ổn định để làm ăn, sinh sống. Theo đó, vấn đề xóa án tích được quy định tập trung tại Chương X của Bộ luật Hình sự năm 2015 gồm 5 Điều luật (từ Điều 69 đến Điều 73) và tại một số Điều thuộc các chương khác của phần những quy định chung (Điều 89 quy định về xóa án tích đối với pháp nhân thương mại bị kết án thuộc Chương XI và Điều 107 quy định về xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi bị kết án thuộc Chương XII). Cụ thể, diện những người bị kết án phải mang án tích còn lại là rất hẹp so với quy định của Bộ luật Hình

sự năm 1999, bao gồm: người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chỉ bị coi như có án tích trong trường hợp bị kết án về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, bị kết án do lỗi cố ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng; người từ đủ 18 tuổi trở lên chỉ bị coi như là có án tích trong trường hợp bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, bị kết án do lỗi cố ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng.

Như vậy, đối tượng quản lý lý lịch tư pháp cũng như các quy định về phạm vi lập hồ sơ lý lịch tư pháp; các loại giấy tờ mà các cơ quan phải gửi cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cũng đã được thu hẹp lại rất nhiều, do những thay đổi trong đối tượng bị mang án tích được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, cần phải tiến hành sửa đổi những quy định của Luật lý lịch tư pháp về những vấn đề này.

Thứ ba, điều chỉnh các quy định liên quan đến việc xác minh điều kiện xóa án tích để phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Bộ luật Hình sự 2015 đã rút ngắn thời hạn xóa án tích và điều chỉnh mốc tính thời hạn xóa án tích sớm hơn. Khoản 2 Điều 70 của Bộ luật giữ nguyên thời hạn 01 năm để được xóa án tích (đối với trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo), đồng thời, rút ngắn thời hạn để được xóa án tích theo hướng còn 02 năm (đối với trường hợp bị phạt tù đến 05 năm); 03 năm (đối với trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm) và 05 năm (đối với trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án). Riêng trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn nêu trên thì thời hạn đương nhiên được xóa án tích sẽ hết vào thời điểm người đó chấp

hành xong hình phạt bổ sung. Ngoài ra, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bỏ quy định Tòa án cấp giấy chứng nhận đương nhiên được xóa án tích cho người bị kết án, đồng thời, giao trách nhiệm cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích, nếu có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy, Bộ luật Hình sự đã giao hẳn trách nhiệm cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong việc theo dõi vấn đề xóa án tích đương nhiên cho người bị kết án. Đồng thời, Điều 369 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về thủ tục xóa án tích, trong đó, tại khoản 1 Điều này quy định: “ Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được đương nhiên xóa án tích và xét thấy có đủ điều kiện quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là họ không có án tích”. Như vậy, vấn đề xóa án tích đã được thay đổi khá nhiều trong Bộ luật Hình sự năm 2015. Đây cũng là những quy định làm cơ sở cho việc điều chỉnh các quy định có liên quan đến việc xác minh điều kiện xóa án tích; cập nhật thông tin về án tích khi sửa đổi Luật lý lịch tư pháp.

Thứ tư, bổ sung quy định về thời hạn sử dụng của phiếu lý lịch tư pháp:

Để bảo đảm phiếu lý lịch tư pháp được sử dụng một cách hiệu quả, tránh trường hợp bỏ lọt tội phạm hoặc tùy tiện quy định thời hạn sử dụng phiếu lý lịch tư pháp gây khó khăn cho người dân, đề xuất bổ sung quy định về thời hạn sử dụng của phiếu lý lịch tư pháp bảo đảm phù hợp với quy trình tố tụng hình sự (khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử một vụ án theo trình tự rút gọn) [3, tr. 122-127].

**** Bổ sung trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong cung cấp thông tin nhằm bảo đảm thực hiện chế định về đương nhiên được xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015***

Hiện nay, theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp, việc cung cấp, trao đổi, tra cứu, xác minh về lý lịch tư pháp được thực hiện bởi Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp và các cơ quan khác có liên quan. Theo quy định của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp và Thông tư liên tịch số 04 thì Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát phải phối hợp với Trung tâm và Phòng Hồ sơ công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sẽ phối hợp với các Sở Tư pháp để thực hiện tra cứu, xác minh thông tin lý lịch tư pháp về án tích có trước ngày 01/07/2010. Tuy nhiên, do đặc thù của công tác quản lý hồ sơ, Cục hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát là đơn vị lưu giữ đầy đủ các dữ liệu về việc phạm tội trong hệ thống hồ sơ, tàng thư lưu trữ các thông tin qua các thời kỳ để cung cấp thông tin. Vậy nên trên thực tế, khi các Sở Tư pháp đề nghị Phòng Hồ sơ Công an tỉnh/thành phố tra cứu xác minh thông tin các trường hợp: Người được cấp phiếu lý lịch tư pháp đã cư trú ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kể từ đủ 14 tuổi trở lên; người được cấp phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam có thời gian cư trú ở nước ngoài; người nước ngoài, người Việt Nam không xác định được nơi thường trú, tạm trú thì công an các tỉnh/thành phố và Trung tâm phải tra cứu tại Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát mới có đủ cơ sở để trả lời kết quả tra cứu, xác minh thông tin cho các Sở Tư pháp. Vì vậy, quy trình tra cứu lòng vòng qua các trung gian như vậy nên đã dẫn đến sự chậm chễ trong việc trả lời kết quả tra cứu, xác minh thông tin, ảnh hưởng tới thời hạn cấp phiếu lý lịch tư pháp.

Với yêu cầu đặt ra để thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thi hành quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về xóa án tích và trách nhiệm của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong cập nhật, xác minh về điều kiện đương nhiên xóa án tích, cần thiết mở rộng phạm vi quản lý lý lịch tư pháp theo hướng bổ sung quy định về trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin của

Viện kiểm sát về quá trình khởi tố, điều tra, truy tố bị can. Đề xuất quy định trong trường hợp xét thấy người bị kết án đủ điều kiện đương nhiên xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp đề nghị cơ quan quản lý về vấn đề này cung cấp thông tin về việc người đó có bị khởi tố bị can hay không hoặc các quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án hình sự (nếu có). Đồng thời, để phù hợp và đồng bộ với các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, tác giả thấy cần thiết bổ sung thêm quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin về một người có thực hiện hành vi phạm tội mới hay không. Theo đó, nên quy định một đầu mối cụ thể của Viện kiểm sát có trách nhiệm cung cấp thông tin về một người có thực hiện hành vi phạm tội mới hay không trong thời gian xem xét về điều kiện đương nhiên được xóa án tích của người này. Khi có yêu cầu của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và các Sở Tư pháp, đơn vị đầu mối này có trách nhiệm cung cấp thông tin. Các cơ quan cấp phiếu dựa vào kết quả tra cứu và kết quả trả lời của đơn vị đầu mối của Viện kiểm sát để cấp phiếu cho người dân [3, tr. 127-129].

3.2.2. Tăng cường hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của cá nhân, cơ quan, tổ chức về lý lịch tư pháp

Để thay đổi nhận thức của xã hội, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân là một việc làm lâu dài, cần được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục. Do vậy, công tác phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật về Lý lịch tư pháp đóng vai trò rất quan trọng trong việc làm thay đổi nhận thức của cả xã hội về lý lịch tư pháp. Mặc dù công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lý lịch tư pháp trong thời gian qua đã được các cơ quan chức năng quan tâm, dần đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp của nhân dân. Tuy nhiên, cho đến nay, trên thực tế, vẫn còn tình trạng người dân chưa hiểu các quy định của pháp luật về

lý lịch tư pháp, khi cần cấp phiếu lý lịch tư pháp họ không biết đến Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, hay đến Sở Tư pháp để yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp. Các quy định của pháp luật về lý lịch tư pháp cần tiếp tục được phổ biến, tuyên truyền tới các tổ chức, cá nhân. Bên cạnh đó, việc sửa đổi, bổ sung Luật lý lịch tư pháp năm 2009 đang được các cơ quan chức năng thực hiện, do đó, việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lý lịch tư pháp, đồng thời lấy ý kiến nhân dân trong quá trình tiến hành sửa đổi Luật là cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

3.2.3. Hoàn thiện tổ chức các cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia theo quy định của Luật lý lịch tư pháp và Nghị định số 111/2010/NĐ-CP đã bộc lộ những bất cập, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của công tác lý lịch tư pháp. Hiện nay, Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia được xác định là đơn vị sự nghiệp. Luật lý lịch tư pháp quy định 10 nhiệm vụ của Bộ Tư pháp, riêng Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia chỉ quy định duy nhất một nhiệm vụ là quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp quốc gia nhưng do luật lý lịch tư pháp không quy định cụ thể cơ quan quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và do công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có mối quan hệ mật thiết với công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp nên theo Quyết định số 97/QĐ-BTP, Bộ trưởng Bộ tư pháp đã giao cho Trung tâm thực hiện 9 nhiệm vụ còn lại do Luật lý lịch tư pháp giao cho Bộ Tư pháp, thực chất là các nội dung về quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp. Tuy nhiên, theo quy định của Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18/04/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ (khoản 1 Điều 15) thì các tổ chức giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước không có tên gọi là

“Trung tâm” và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ không có chức năng quản lý nhà nước (khoản 2 Điều 21).

Bên cạnh đó, do tính chất đặc thù của công tác quản lý lý lịch tư pháp là tích hợp thông tin về án tích từ các cơ quan tiến hành tố tụng nên hoạt động phối hợp giữa các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và các cơ quan hữu quan có tầm đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia do là đơn vị sự nghiệp nên gặp rất nhiều khó khăn trong quan hệ phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan đến việc quản lý lý lịch tư pháp, nhất là đa phần các cơ quan này là cơ quan tiến hành tố tụng. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả của công tác quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra hoạt động lý lịch tư pháp đối với các địa phương, khi mà Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia được xác định rõ ràng là đơn vị sự nghiệp và các cán bộ của Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia chỉ có tư cách viên chức để thực thi các nhiệm vụ quản lý lý lịch tư pháp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp giao, trong khi tại các Sở tư pháp trong toàn quốc, đội ngũ cán bộ là công tác lý lịch tư pháp được xác định là công chức (họ là công chức đang công tác thuộc Phòng hành chính tư pháp hoặc Phòng Lý lịch tư pháp tại các Sở tư pháp của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

Như vậy, việc quy định Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia là một đơn vị sự nghiệp công lập như hiện nay đã tạo ra không ít khó khăn trong việc phối hợp với các cơ quan hữu quan khác trong việc thực thi quản lý lý lịch tư pháp do Bộ trưởng Bộ tư pháp giao. Qua đó có thể thấy, khi sửa đổi mô hình cơ sở dữ liệu thì việc sửa đổi mô hình cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cho phù hợp là vấn đề hết sức cần thiết. Quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là lĩnh vực quản lý chuyên ngành mang tính chuyên môn sâu, phức tạp, có liên quan chặt chẽ đến hoạt động của nhiều cơ quan ở các cấp, trong đó Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan công an, cơ quan thi hành án dân sự, các cơ

quan có liên quan trong quân đội. Cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp sẽ có tác động ảnh hưởng tới mối quan hệ phối hợp với các cơ quan này trong việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Hơn nữa, cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xác định là thông tin được bảo mật, là tài sản quốc gia, có ý nghĩa quan trọng, nên tổ chức và hoạt động của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải phù hợp với các quy định về quản lý chuyên ngành.

Để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, phù hợp với nguyên tắc quản lý hành chính là một công việc không giao cho nhiều đầu mối thực hiện, cần thiết phải sửa đổi quy định của Luật lý lịch tư pháp về tên gọi Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, sửa đổi thành cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và dự kiến sẽ có cơ cấu tổ chức theo mô hình Cục Lý lịch tư pháp. Việc chuyển đổi mô hình tổ chức từ Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia – là đơn vị sự nghiệp công lập sang Cục Lý lịch tư pháp, Bộ Tư pháp – là đơn vị quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp sẽ không tạo ra tổ chức mới, không phát sinh biên chế mới nhưng lại tạo điều kiện đảm bảo thống nhất, thông suốt trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp cũng như xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Theo đó, tại địa phương, Sở Tư pháp vẫn là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp; tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp và chuyển giao qua đường điện tử cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp phiếu lý lịch tư pháp cho mọi đối tượng có yêu cầu.

3.2.4. Đào tạo nghiệp vụ, bảo đảm cơ sở vật chất và cải cách hành chính trong quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

**** Đào tạo nghiệp vụ, bảo đảm cơ sở vật chất***

Nâng cao chất lượng công thức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp theo hướng tập trung đào tạo, bồi dưỡng theo chiều sâu, tăng cường kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tiếp nhận xử lý thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, nhằm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp có chuyên môn cao, có đạo đức và uy tín nghề nghiệp, trên cơ sở xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác lý lịch tư pháp.

Để bảo đảm công tác lý lịch tư pháp được thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả, công tác lý lịch tư pháp cần được bố trí cung cấp kinh phí một cách hợp lý, đồng thời trang bị cơ sở vật chất cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, đặc biệt là tại các cơ quan có thẩm quyền trong việc cung cấp, trao đổi thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

**** Cải cách hành chính trong quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp***

Sau hơn 7 năm thi hành Luật lý lịch tư pháp, công tác cấp phiếu lý lịch tư pháp về cơ bản đáp ứng yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức, từng bước được cải cách thủ tục, đơn giản hóa và thuận tiện hơn; nhiều phương thức, cách làm mới, sáng tạo đã được áp dụng như nhận hồ sơ và trả kết quả tại nhà qua dịch vụ bưu chính, đăng lý cấp phiếu trực tuyến...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quy định của pháp luật lý lịch tư pháp về trình tự, thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, gây khó khăn, trở ngại cho người dân như quy định về quyền yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp, thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp còn chưa thuận tiện, bất cập trong thực tiễn, phương thức nộp hồ sơ, trả kết quả yêu cầu cấp phiếu, phương thức phối hợp, tra cứu, xác minh thông tin để cấp phiếu lý lịch tư pháp còn hạn chế... cần thiết phải sửa đổi nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức, cụ thể:

- Mở rộng quyền yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp của cơ quan nhà nước: để tạo thuận lợi hơn cho cơ quan nhà nước trong thực hiện chức năng quản lý của ngành, cơ quan, đơn vị, đề xuất mở rộng quy định về quyền các cơ quan nhà nước trong yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp của cá nhân để phục vụ các yêu cầu quản lý nhà nước của ngành, cơ quan, đơn vị.

- Sửa đổi quy định về hồ sơ yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với một số đối tượng đặc biệt: để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, pháp luật khác có liên quan đến về người dưới 14 tuổi, người không quốc tịch... đề xuất sửa đổi về hồ sơ yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với những đối tượng này. Ngoài ra, để tiết kiệm chi phí và giảm bớt khó khăn cho người nước ngoài đã từng cư trú tại Việt Nam, đề nghị quy định về thủ tục yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp cho người nước ngoài có thêm sự lựa chọn trong việc sử dụng các loại giấy tờ xác định thời gian cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật.

- Bổ sung quy định về các phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp; phương thức tra cứu, xác minh thông tin để cấp phiếu lý lịch tư pháp; mở rộng thẩm quyền cấp phiếu lý lịch tư pháp

Nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm chi phí, gánh nặng, khó khăn cho người dân, cần đa dạng hóa phương thức nộp hồ sơ và trả kết quả yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp, cho người dân quyền lựa chọn cơ quan cấp phiếu lý lịch tư pháp, phương thức nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp, qua bưu điện hoặc trực tuyến trên cơ sở kết quả thí điểm cấp phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến theo Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08/01/2015 của Thủ tướng chính phủ và Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử. Ngoài ra, đề xuất quy định chặt chẽ về giá trị thông tin lý lịch tư pháp và phiếu lý lịch tư pháp dưới dạng điện tử.

Với thực tiễn về tra cứu, xác minh thông tin để cấp phiếu lý lịch tư pháp thì đòi hỏi phải sửa đổi Luật Lý lịch tư pháp nhằm mở rộng đối tượng tra cứu, cơ quan tra cứu để tạo sự thông thoáng, hạn chế hiện tượng ách tắc, quá tải trong tra cứu, xác minh đảm bảo đáp ứng kịp thời cho nhu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp của nhân dân và đảm bảo tính chính xác, khách quan, toàn diện của thông tin lý lịch tư pháp. Cần quy định rõ trong Luật lý lịch tư pháp việc trao đổi, cung cấp thông tin bằng dữ liệu điện tử, đảm bảo trao đổi thông tin giữa các cơ sở dữ liệu kết nối giữa các ngành nhằm tạo ra đột phá về thủ tục hành chính, phục vụ tốt hơn nữa cho người dân và doanh nghiệp.

Ngoài ra, cần đề xuất mở rộng thẩm quyền cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và các Sở Tư pháp, để tạo thuận lợi nhất cho người dân và cơ quan, tổ chức có nhu cầu xin cấp phiếu lý lịch tư pháp thì phải tạo điều kiện cho người dân có quyền lựa chọn bất cứ cơ quan có thẩm quyền cấp phiếu nào hoặc thông qua mạng internet, thông qua bưu điện để xin phiếu lý lịch tư pháp mà không phải phụ thuộc vào địa giới hành chính. Do đó, người dân ở bất cứ nơi đâu (trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam) đều có thể dễ dàng xin cấp phiếu lý lịch tư pháp mà không phải đến trực tiếp cơ quan có thẩm quyền để xin phiếu lý lịch tư pháp.

3.2.5. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm...

Tăng cường sự phối hợp về công tác tra cứu, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp giữa cơ quan quản lý dữ liệu lý lịch tư pháp và các cơ quan Bộ, ngành có liên quan. Hiện nay, Luật lý lịch tư pháp cũng như các luật có liên quan chưa có văn bản quy định về chế độ, chính sách cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, cũng như cơ chế bảo đảm cho việc phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp giữa các cơ quan. Do đó, việc quy định rõ các cơ chế bảo đảm kiểm soát được tình hình cung cấp thông tin của các cơ sở dữ liệu lý lịch tư

pháp cũng như các cơ quan liên quan là rất cần thiết. Ngoài ra, riêng đối với Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đặc biệt là phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra liên ngành để nắm bắt tình hình thi hành Luật lý lịch tư pháp, để kịp thời uốn nắn các sai sót, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động lý lịch tư pháp. Qua đó, kịp thời phát hiện những bất cập trong hoạt động lý lịch tư pháp và có giải pháp để khắc phục.

3.2.6. Ứng dụng công nghệ thông tin ở cấp độ tự động hóa trong xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

Để có thể giải quyết những khó khăn, hạn chế cơ bản hiện nay trong công tác lý lịch tư pháp, đặc biệt là khó khăn về nguồn nhân lực tại các địa phương hiện nay, cần triển khai ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Thứ nhất, để khắc phục tình trạng tồn đọng thông tin lý lịch tư pháp, hướng tới xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp ngày càng hoàn thiện, góp phần thực hiện có hiệu quả vai trò quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia đã đề xuất xây dựng, triển khai giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại cơ quan quản lý cơ sở lý lịch tư pháp (gọi tắt là giải pháp phần mềm “khắc nhập, khắc xuất”). Về nội dung của giải pháp này nhằm ứng dụng công nghệ để tự động hóa hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và 63 Sở Tư pháp trong toàn quốc.

Thứ hai, cần xúc tiến thiết lập đồng bộ hệ thống cung cấp, trao đổi thông tin lý lịch tư pháp giữa các cơ quan có nhiệm vụ cung cấp thông tin và cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trên môi trường mạng, hướng tới thông tin lý lịch tư pháp được chính thức trao đổi giữa Trung

tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, các Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan được thực hiện dưới dạng điện tử. Trước mắt, tiến hành chuyển thông tin dưới dạng dữ liệu điện tử trên nền tảng phần mềm quản lý lý lịch tư pháp hiện nay đang sử dụng, loại bỏ việc chuyển thông tin dưới dạng bản giấy.

Thứ ba, thiết lập và thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan (cơ sở dữ liệu của Tòa án, kiểm sát, thi hành án dân sự, thi hành án hình sự, hộ tịch...) [3, tr. 144-145].

3.2.7. Hợp tác quốc tế về quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

Muốn nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, Nhà nước ta cần tăng cường hợp tác, trao đổi, học tập kinh nghiệm về xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp với các nước trong khu vực và trên thế giới. Qua đó, tiếp thu những yếu tố hợp lý, vận dụng có chọn lọc phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Trong các mối quan hệ hợp tác với nước ngoài, hợp tác trong lĩnh vực pháp luật có một vị trí đặc biệt. Trước hết, do Việt Nam mới chuyển đổi sang cơ chế thị trường, thực hiện quản lý bằng pháp luật và tiến tới xây dựng nhà nước pháp quyền, nên thiếu nhiều kinh nghiệm xây dựng pháp luật. Đi đôi với việc tiếp nhận theo hướng chia sẻ kinh nghiệm thì có thể có những tác động không mong muốn tới chủ quyền và quyền tự quyết của quốc gia, tới việc hình thành và thực hiện các chính sách và định hướng phát triển của đất nước là điều hoàn toàn có thể xảy ra. Vì vậy, hợp tác quốc tế về lý lịch tư pháp phải đảm bảo được thể chế chính trị, nguyên tắc lãnh đạo thống nhất và xuyên suốt của Đảng và Nhà nước.

Việc hợp tác với nước ngoài về pháp luật không chỉ mang lại những kinh nghiệm về kỹ thuật lập pháp, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật mà còn là thu hút sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính cho hoạt động lý lịch tư pháp và đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ lý lịch tư pháp ở nước ngoài.

Trên đây là tám giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp. Trong quá trình thực hiện cần có quan điểm khách quan, toàn diện, áp dụng linh hoạt để đảm bảo các giải pháp được thực hiện có hiệu quả trong quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

Kết luận Chương 3

Chương 3 của luận văn đã chỉ ra những quan điểm và đưa ra các giải pháp cơ bản để tăng cường quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp hiện nay: hoàn thiện hệ thống pháp luật về lý lịch tư pháp; Thiết lập, tăng cường và hoàn thiện mối quan hệ phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; Kiện toàn tổ chức bộ máy; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức, nâng cao tính chuyên nghiệp của hoạt động lý lịch tư pháp; Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp; Bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật để thực hiện nhiệm vụ quản lý lý lịch tư pháp. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; Tăng cường hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của cá nhân, cơ quan, tổ chức về lý lịch tư pháp; Tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi, học tập kinh nghiệm về tổ chức, quản lý lý lịch tư pháp theo hướng tiếp thu, học hỏi có chọn lọc để phát triển phù hợp với các điều kiện hiện nay và trong tương lai ở Việt Nam. Trong các giải pháp này, có những giải pháp cần thực hiện ngay, có những giải pháp khi thực hiện cần phải có lộ trình, điều kiện, thời gian, không gian khác nhau.

KẾT LUẬN

1. Trong xu thế hội nhập và phát triển kinh tế quốc tế hiện nay, lý lịch tư pháp ngày càng trở nên cần thiết và xuất hiện ngày càng nhiều trong các quan hệ xã hội. Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện nay có hơn 60 văn bản quy định về việc cá nhân phải có phiếu lý lịch tư pháp khi tham gia vào các quan hệ xã hội. Luật Lý lịch tư pháp ra đời đã tạo cơ sở pháp lý để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp ngày càng tăng của công dân, bảo đảm phù hợp với tiến trình cải cách tư pháp, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại và hội nhập quốc tế.

2. Từ khi triển khai Luật Lý lịch tư pháp, công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp ở thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng phấn khởi, nhất là trong hoạt động xây dựng và kiện toàn một bước cơ bản về hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác lý lịch tư pháp; từng bước vững chắc xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phục vụ công tác tra cứu, cấp Phiếu lý lịch tư pháp đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng của cá nhân, tổ chức, phục vụ hoạt động của các cơ quan tổ tụng; từng bước xác lập và tăng cường hoạt động phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa cơ quan quản lý dữ liệu lý lịch tư pháp với các cơ quan hữu quan phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu và cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Những kết quả trên đã góp phần khẳng định vị trí, vai trò của công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp hiện nay và đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập quốc tế về hoạt động lý lịch tư pháp, bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền công dân, quyền con người. Tuy nhiên, Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp vẫn còn một số hạn chế như: một số quy định của Luật Lý lịch tư pháp đã phát sinh bất cập, hạn chế như vấn đề tổ chức cơ quan

quản lý lý lịch tư pháp; vấn đề cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 theo yêu cầu của cá nhân; mô hình tổ chức của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đã bộc lộ những bất cập; công tác phối hợp liên ngành tại một số địa phương chưa thật sự nhịp nhàng, việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp chưa thật sự được đầy đủ trong mọi thời điểm.

3. Để thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ, Nhà nước ta cần tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, bám sát yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới, trên cơ sở thiết lập, tăng cường cơ chế phối hợp đồng bộ, toàn diện, hiệu quả giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và các cơ quan liên quan trong việc trao đổi, cung cấp thông tin hướng tới xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp quốc gia tập trung, thống nhất. Tổ chức, quản lý cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp với cấp Phiếu lý lịch tư pháp, đáp ứng tốt nhất yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Đồng thời, phát huy vị trí, vai trò của lý lịch tư pháp theo hướng là công cụ hỗ trợ đắc lực cho hoạt động tổ tụng hình sự.

Qua kết quả nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp luật về quản lý nhà nước đối với lý lịch tư pháp và phân tích, đánh giá về thực trạng công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh, tác giả đã đưa ra một số quan điểm và giải pháp để tăng cường quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp. Tuy nhiên, quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp là một vấn đề có nhiều nội dung rộng lớn và phức tạp, phụ thuộc rất nhiều yếu tố. Vì vậy, tác giả khó có thể giải quyết một cách đầy đủ và toàn diện vấn đề, không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế, tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các nhà khoa học để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (2005), *Lý lịch tư pháp, bí mật đời tư về tình trạng tiền án của cá nhân*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (số 6).
2. Nguyễn Thị Phương Anh (2015), *Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng*, luận văn thạc sỹ luật học, Học viện Khoa học –Xã hội.
3. Hoàng Hùng Anh (2017), *Bàn về việc hoàn thiện pháp luật lý lịch tư pháp ở nước ta hiện nay*, Số chuyên đề Pháp luật về lý lịch tư pháp của Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Nxb Tư pháp, tr 122-145.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Bộ Tư pháp (2016), *Hội thảo đánh giá tình hình 05 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp*, Hà Nội.
7. Bộ Tư pháp (2017), *Báo cáo tổng kết 06 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp*, Hà Nội.
8. Bộ Tư pháp (2009), *Tìm hiểu Luật Lý lịch tư pháp*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
9. C. Mác, *Tư bản* (1960), quyển I, tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội.
10. *C. Mác và Ph. Ăng ghen Toàn tập* (1995), Tập 23, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Nguyễn Quốc Hoàng (2017), *Hạn chế, bất cập trong thực tiễn thực hiện pháp luật lý lịch tư pháp*, Số chuyên đề Pháp luật về lý lịch tư pháp của Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Nxb Tư pháp, tr 93-121.

12. Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ (năm 2009), *Đặc san tuyên truyền Luật Lý lịch tư pháp*, Đặc san tuyên truyền pháp luật (số 8).
13. Hoàng Quốc Huân (2017), *Nguyên tắc hoàn thiện pháp luật lý lịch tư pháp*, Số chuyên đề Pháp luật về lý lịch tư pháp của Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Nxb Tư pháp, tr 146-155.
14. Hoàng Quốc Hùng (2017), *Định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật lý lịch tư pháp năm 2009*, Số chuyên đề Pháp luật về lý lịch tư pháp của Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Nxb Tư pháp, tr 160-166.
15. Vũ Đức Hùng (2017), *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật lý lịch tư pháp*, Số chuyên đề Pháp luật về lý lịch tư pháp của Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Nxb Tư pháp, tr 156-159.
16. Đỗ Thị Thúy Lan (2012), *Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của Luật Lý lịch tư pháp*, Số chuyên đề Lý lịch tư pháp của Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Nxb Tư pháp, tr 34-49.
17. Đỗ Thị Thúy Lan (2014), *Thực tiễn công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (số 4), tr 7-10.
18. Nguyễn Thị Minh Phương (2012), *Mối quan hệ phối hợp giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia, Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan trong việc thực thi Luật Lý lịch tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số chuyên đề), tr. 49-69.
19. Nguyễn Thị Minh Phương (2014), *Thực tiễn công tác phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số 4), tr. 16-20.
20. Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Tham luận đánh giá kết quả cải cách hành chính trong lĩnh vực lý lịch tư pháp tại thành phố Hồ Chí Minh*, Hồ Chí Minh.

21. Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Thực tiễn triển khai luật lý lịch tư pháp tại thành phố Hồ Chí Minh*, Hồ Chí Minh.
22. Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo tình hình thực hiện Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật tại Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh*, Hồ Chí Minh.
23. Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Báo cáo tổng kết tư pháp năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2018*, Hồ Chí Minh
24. Lê Tài Triển, Nguyễn Văn Lượng, Trần Thúc Linh (chủ biên), *Nhiệm vụ của công tố viện*, Sài Gòn, 1971, tr.485.
25. Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp (2011), *Một số nội dung cơ bản và lý lịch tư pháp*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
26. Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp (2012), *Cẩm nang nghiệp vụ về lý lịch tư pháp*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
27. Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp (2013), *Phối hợp liên ngành trong công tác lý lịch tư pháp*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
28. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.